LỜI ĐẦU SÁCH

Thời gian dự khóa tại Học viện Huệ Nghiêm, Bình Chánh Gia Định, chúng tôi đã được học kinh Bát Nhã với Hòa thượng Viện trưởng. Bấy giờ, Ngài là Quản viện tức là Hiệu trưởng của trường.

Liên tiếp những năm 1970-1973 chúng tôi được nghe Hòa thượng Viện trưởng giảng giải kinh Bát Nhã tại Thiền Viện Chơn Không, Vũng Tàu và nhất là vào thời kỳ 1986-1988 Hòa thượng lại giản lược và đối chiếu Kinh Bát Nhã tại Thiền viện Thường chiếu, Long Thành, Đồng Nai. Huynh đệ chúng tôi thêm một lần nữa lại được Hòa thượng đinh ninh dạy bảo qua tinh thần Tánh không, không có gì cố định.

Qua đó, một số thiền sinh chúng tôi xa xa thấy được "Cổng Vào nhà thiền". Biết được lối về và cũng từ đấy một lần nhận lại "Hòn ngọc nguyên xưa của mình".

Biết là một việc, mà hằng sống là việc khác. Xưa nay trong Tòng lâm, kẻ đi hành cước đến chỗ nầy, ai nấy cũng đều ân cần đặt vấn đề với các bậc Tác gia "làm sao con bảo nhiệm?". Quá trình học dài gian lao của hành giả trên dặm trường Phật đạo, hẳn rằng lắm nhiêu khê, nhiều ma chướng mà cũng thống khoái bất tận. Bậc trượng phu ý chí lẫm liệt, dứt khoát phải trải qua "thật đạp" trên mảnh đất nầy, và cũng không có lối nào khác.

Tâm là chủ tể, Tâm là nguồn đầu. Nếu nhận được nguyên vị của nó thì ngay đây không thiếu chi cả. Bằng không, cũng chính nơi đây là rừng rậm mịt mù cỏ gai. Chỗ uyên nguyên nầy chỉ hành giả khéo nhận "thừa đương"; trái lại, ôi thôi vô vàn điêu linh, khốn khổ, vướng mắc không cùng, xả thân được thân kiếp số cũng không kể xiết.

Bản ý của kinh nầy có thể nói là "chỉ ra cái linh hoạt đầy sinh động của Tâm". Mà Tâm chính là vấn đề cốt lõi của kẻ học đạo, muốn tìm sống lại, có thể có một cách nói như vậy.

Thế nhưng, đối với kinh nầy người xưa dẫn giải bạt ngàn, cao ngất, bao kẻ sơ tâm vào đạo không làm sao thẩm thấu, biết đâu bến định?

Đành vậy cũng là nhân duyên một Thiền Tổ Việt Nam là Thượng nhân Minh Chánh. Ngài đã rụng hết mi mao, vì chúng ta khai triển Tâm tông Bát Nhã, dìu dắt chúng ta vào chốn Tổ quê xưa. Cảm niệm thâm ân sâu dày của các bậc tiền bối, đã trải tâm can cho tiền đồ Đạo pháp, lại vì một nỗi xót xa chung của dân tộc Việt là những di sản văn hóa của giống nòi đã mất mát quá lớn, trong đó có nguồn tài nguyên tinh thần dồi dào của Đạo Phật Việt Nam. Những biến cố binh hỏa, những thăng trầm qua các thời kỳ dài lâu của xứ sở Việt Nam, đã hơn một lần làm cho dân tộc Việt Nam, vốn có thừa những đau thương bất hạnh, lại càng thiếu thốn những di sản của cha ông mình để lại. Bởi ý thức sâu sắc như vậy, cho dù sinh hoạt của huynh đệ Thiền sinh chúng tôi ở trong Thiền viện có hạn hẹp, chúng tôi cũng luôn luôn dặn lòng cố gắng đào xới, thu nhặt, đồng thời cống hiến những gì tìm lại được của tiền nhân. Việc làm nhỏ nhoi nầy của huynh đệ chúng tôi, gọi là góp một chút gì làm phong phú thêm cho kho tàng văn hóa Việt Nam. Với nhiệm vụ như thế nhưng lực bất tùy tâm. Lòng đã quyết thì cố gắng hoàn thành.

Vì vậy, một số thiền sinh huynh đệ chúng tôi, từ Chân Không về Thường Chiếu đã không ngại chỗ thô lậu của mình dám múa rìu trước vũ môn hải hội. Đem bản kinh Bát Nhã Trực Giải văn cổ đổi thành quốc ngữ Việt Nam, thực khéo làm trò cười cho hàng thức giả trong Tông môn. Có khi lại vi phạm bản quy "Trích diệp tầm chi" của Thượng sư Huyền Giác. Do đó, trông mong các bậc cao minh vì thương tưởng hàng hậu côn mà giúp đỡ chỉ giáo cho chúng tôi những chỗ sai sót trong công tác đổi thành quốc văn bản Bát Nhã Trực Giải nầy, để tập sách đủ duyên đến tay quí Pháp lữ gần xa nó thực sự hoàn bị hơn.

Cũng hy vọng từ cơ duyên nầy, trong hải hội mười phương kẻ đồng chí những bậc tráng sĩ trong Tông môn, một phen nhận ra việc mình, một nhảy vào thẳng non nước "Bình yên muôn thuở".

Kính ghi,

Thay mặt nhóm Thiền sinh
Thiền viện Thường Chiếu
THÍCH NHẬT QUANG

TỰA KHẮC KINH

Tâm kinh chỉ vỏn vẹn 262 chữ, văn tuy không nhiều, nhưng kinh được lấy "Tâm" để đặt tên, ắt hẳn là kho báu của nhà Phật, tinh hoa của sách Thiền. Một chữ "Tâm" có thể quán xuyến cả quyển kinh nầy vậy.

Phàm năm ấm đã không thì hai thứ chấp cũng đều không, căn, trần, giới, mười hai nhân duyên bốn đế thảy đều không, cho đến không trí, không đắc ắt là "Nhứt chân trạm như". Kinh cũng đã là không, giải thích đâu cần có, đó chỉ là đối với người ngộ được "Tâm pháp thượng thừa" rốt ráo. Còn kẻ học tâm pháp đang khởi công phu thì chân tâm ở đâu, nếu chẳng phải nhờ Kinh thì biết nơi nào mà tìm thấy.

Nhưng văn kinh tuy giản lược, mà diệu chỉ sâu xa, từ xưa đến nay có hơn năm mươi nhà chú sớ. Người giải thích cũng chẳng làm cho kinh dễ hiểu hơn, nên người học một phen xem qua cũng vẫn khó lãnh hội.

Thiền sư Đạo Tuân Minh Chánh ở chùa Bích Động thuộc tỉnh Ninh Bình (Bắc Việt) là người Việt Nam đầu tiên giải thích Tâm Kinh. Trong phần giải thích, từ chương đầu đến chương thứ hai mươi là giảng luận phô diễn phát huy nghĩa lý sâu kín của Tâm Kinh, chương thứ hai mươi mốt là giải nghĩa mười tám chữ của câu chú cuối cùng. Về câu chú nầy trước kia chúng tôi tham khảo Phật Học Từ Điển, hoặc có chỗ nghi ngờ, nay được thiền sư Minh Chánh dùng mật nghĩa để giải thích. Ngài dẫn câu: "đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú" ra để trình bày, lấy kinh làm hiển, lấy chú làm mật, khế hợp sâu xa vào diệu nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải kẻ thiển lậu như chúng tôi có thể biện được một lời.

Sau phần trực giải, Ngài lại nêu mười tắc cương lãnh và bốn phần "tín, giải, hạnh, chứng" để chỉ dạy chánh pháp tu trì. Rồi Ngài làm hậu bạt hai mươi thiên để xiển dương công năng chí cực đốn liễu. Ngài lại dẫn bốn câu kệ Bát Nhã của cổ đức, Duy tâm thức quán tứ trí luận của Bồ tát Mã Minh, kệ sáu căn bảy đại của Tổ Trúc Lâm Điều Ngự để diễn rộng tông chỉ của Tâm Kinh. Giải rồi lại giải nữa, diệu nghĩa vô cùng. Công lao của Ngài đối với người học đạo thật là to tát.

Quyển Bát Nhã Trực Giải nầy được soạn thuật vào triều Thiệu Trị năm thứ ba, nhằm năm Quí Mão (1843), được khắc bản từ triều Khải Định năm Canh Thân (1920) đến triều Bảo Đại năm Quí Dậu (1933), trải qua mười bốn năm mới xong.

Nay khắc lại để truyền bá rộng rãi. Nguyện giúp chút phần vào công đức vô lượng của công cuộc hoằng pháp.

Bảo Đại năm Quí Mùi (1943), Mạnh Đông

Bộ ấn hành kinh điển của hội Phật Giáo Bắc Kỳ cẩn chí

LỜI DẪN TỰA
BÁT NHÃ TÂM KINH TRỰC GIẢI

Trộm nghĩ: Bát Nhã Tâm Kinh là bản kinh tóm lược trong tám bộ, được kẻ trước người sau đua nhau phiên dịch. Nói đến các nhà chú sớ giải thích kinh nầy thì đời Đường có Ngài Huệ Tịnh, đến đời Thanh có Ngài Phu Hữu Đế Quân, tổng cộng hơn năm mươi nhà. Xét về văn kinh thì bộ nầy rất đơn giản mà nghĩa lý rất diệu huyền. Thế nên, cổ nhân người thì dịch, kẻ thì giải không biết chán. Và kinh nầy lưu thông đến nước Việt chúng ta khoảng Hoàng triều Minh Mạng, đặc biệt có Hòa thượng Bích Động ra đời, nghĩ rằng: kinh nầy mặc dù được người xưa giải thích rất nhiều, nhưng thương cho người kém cỏi không lãnh hội nổi. Khi đó, Ngài "chẳng ngại mình dung ngu" mà làm Trực giải.

Kẻ hậu học nầy trộm nghĩ: "Hòa thượng xuất hiện trong đời, kiến giải vượt kẻ đương thời, danh vang cùng khắp, từ chốn thôn dã đến tận triều ca. ngài trước tác bộ Trực Giải nầy quả thật không thẹn với cổ nhân". Chúng tôi nguyện khắc kinh nầy lưu thông truyền bá.

Đây là lời dẫn vậy.

Vĩnh Nghiêm, hậu học Tỳ kheo

Thanh Hanh kính bút.

Hoàng triều Bảo Đại, năm thứ chín (1933) Tháng tư, ngày rằm.

Hoằng pháp Liên Xã (Sa môn Thanh Chúc, Thanh Quy, Thanh Trà, v.v...) phụng khắc.

Bốn quyển:

1- Tam kinh Hiệp chú

2- Trung Luận

3- Pháp Hoa Đề Cương

4- Bát Nhã Trực Giải

Được khởi công khắc từ Hoàng triều năm Canh Thân (1920) đến Bảo Đại năm Quí Dậu (1933) tháng 9 mới xong.

Nước Đại Nam, tỉnh Ninh Bình, phủ An Khánh, huyện An Mô, tổng Đam Khê, xã Đam Khê, chùa Bích Động tàng bản để về sau ấn hành.

TỰA
BÁT NHÃ TÂM KINH
MINH CHÁNH TRỰC GIẢI

Bát Nhã Tâm Kinh là Tâm Tông của chư Phật, là cốt tủy của các kinh, là tuệ mạng của Bồ tát Đại thừa, là bản nguyên của Pháp giới chúng sanh. Bát Nhã sanh ra tất cả Như Lai, đáng được gọi là mẹ trí, phô diễn tạng giáo ba thừa, thật đáng mang hiệu vua tâm. Nghe đâu Kinh nầy được trích từ Kinh Đại Bát Nhã, văn tuy rất giản dị mà diệu nghĩa tròn đầy trùm khắp, lý thật nhiệm mầu để cho chân không hiển lộ. Pháp ấn nầy Phật Phật truyền nhau, tuệ đăng nầy Tổ Tổ trao nhau.

Đầu kinh, câu Quán Tự là khai thị chánh nhân Bát Nhã. Khi soi thấy năm uẩn đều không là chỉ thẳng đường lối trọng yếu để thực hành sâu. Nêu Xá Lợi Tử để ngộ được tâm, trí tuệ hiện tiền. Chỉ các Pháp Không khiến nhận tánh giác, thật tướng xưa nay. Bởi vì nguồn tâm rỗng rang vắng lặng nên không có căn, trần, năm uẩn. Thể chiếu soi thường sáng suốt nên không có sự tu chúng của nhị thừa. Nói Không trí là vì Bát Nhã lìa hai thứ chấp, nên nói là không. Bảo Không đắc là vì Bát Nhã rõ tam Không đâu có cái gì để được. Lìa ngã chấp tức là ba chướng không làm chướng ngại được, lìa pháp chấp tức là bốn ma không khủng bố được. Trong cái Không nầy, điên đảo đâu thể sanh, mộng tưởng đâu thể có. Cứu cánh nầy thật là Đại Niết Bàn, chẳng những là nhân sở y của hàng Bồ tát mà cũng là quả Viên giác của các đức Như Lai.

Tâm tức là chú, nghĩa tổng trì vô lượng; chú tức là kinh, hiển mật chẳng thể nghĩ bàn. Tụng Kinh thì mỗi chữ đều là tâm, tụng chú thì mỗi tiếng đều lìa niệm. Nhứt chân vắng lặng tròn đầy, bốn đức hoàn toàn bày hiện. Đại thần thì phá ma ngũ ấm. Đại minh thì trừ hai thứ chấp tướng. Chẳng bị vọng hoặc, ấy là Vô thượng thượng tôn. Bình đẳng rỗng suốt ấy là Vô đẳng đẳng. Giác ngộ như thế hay trừ được tất cả khổ, điều ấy Chân thật không hư dối, chỉ cần tin tưởng chắc chắn và thực hành sâu thì sẽ biết là hoàn toàn mầu nhiệm.

Minh Chánh tôi thẹn mình sở học còn thiển lậu, trí thiếu cao sâu, nhưng nghĩ rằng kinh nầy người xưa giải thích cũng nhiều, mà thương cho người kém cỏi vốn khó liễu ngộ, nên chẳng ngại mình dung ngu, quên mình kém dở, tìm các bản sớ giải của cổ nhân để xem kỹ kinh văn. Tuy sự hiểu biết của tôi còn thô thiển

ngoài da, nhưng cũng xin trình bày tất cả gốc ngọn. Nhân đây viết lời tựa, mong các bậc cao minh phủ chánh giùm cho.

Cẩn thuật Sa môn Thanh Đàm Minh Chánh

Đốt hương kính cẩn thuật lời tựa

PHẦN THỨ NHẤT
TRỰC GIẢI

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Sa môn Thanh Đàm Đạo Tuân Minh Chánh
ở chùa Bích Động trực giải

Đệ tử là Đạo Lý Minh Định vâng lịnh biên chép

KỆ ĐẢNH LỄ THẦM CẦU GIA HỘ

Qui kính hiện tại Phật Thích Ca Văn, mười phương ba đời tất cả chư Phật.

Qui kính môn Đại Thừa Thật Tướng, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Qui kính quá khứ Phật Chánh Pháp Minh, hiện tiền Bồ tát Quán Thế Âm.

Viên thông thường lợi diệu minh căn,

Trí tuệ, từ bi, Quán Thế Âm,

Bồ tát vô lượng các Hiền Thánh,

Cúi xin thương xót ngầm gia hộ.

Nay con phát nguyện giải Tâm Kinh,

Trông mong thầm giúp mở trí tuệ,

Khiến kiến giải con hợp tâm Phật

Cũng khiến mọi người đồng thâm ngộ.

Lưu thông xa gần độ tương lai,

Đồng chứng Niết Bàn quả chân thật,

Nguyện một đại sự nhân duyên nầy,

Tất cả chúng sanh đều được độ.

Con xưa đã tạo bao nghiệp ác,

Đều do vô thỉ tham, sân, si,

Từ thân miệng ý mà sanh ra,

Tất cả nay con xin sám hối.

Qui kính Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni

Qui kính Đại Bồ tát Quán Tự Tại

GIẢI THÍCH VĂN KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Tâm kinh trí tuệ cứu kính rộng lớn

Đề mục kinh nầy là chữ Phạn và Trung Hoa hợp lại thành. Tám chữ Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là chữ Phạn, hai chữ Tâm Kinh là chữ Trung Hoa.

Tám chữ nầy chỉ cho pháp gì?

- Chính là chỉ cho Nhứt tâm.

Vậy thì tám chữ Phạn ấy được gồm thâu vào một chữ Tâm của tiếng Hoa. Tám chữ ấy là Tâm, Tâm tức là tám chữ ấy. Tổ sư nói:

Chữ Bát mở toang đà trao gửi,

Việc gì khác nữa để trình anh.

(Bát tự đã khai phân phó liễu

Cánh vô dư sự khả trình quân)

Kinh, tiếng Phạn gọi là Tu Đa La, Trung Hoa dịch là Khế kinh nghĩa là tâm khế hợp với đạo, đạo khế hợp với tâm. Một chữ Kinh dùng để tổng kết tên bộ Kinh mà cũng là xâu suốt diệu nghĩa toàn kinh. Nên biết, Kinh là năng thuyên, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm là sở thuyên. Thế thì pháp sở thuyên nầy là tự tâm của người đương cơ, nó bao hàm cả tám chữ ở trên. Trong tám chữ nầy bao hàm văn tự nghĩa lý cả một bộ kinh, tất cả pháp hiển mật, tịnh nhiễm, sắc không, có không, sanh diệt, năm uẩn, sáu căn, sáu trần, sáu thức, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên, sáu độ muôn hạnh, Bồ đề Niết Bàn, tất cả pháp, không có một pháp nào chẳng phải là Tâm. Nên nói: "Tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt". Do đó Nhứt tâm được chia làm hai môn, một là Tân chân như môn, hai là Tâm sanh diệt môn.

Pháp của Kinh nầy trình bày là Tâm chân như môn, cũng gọi là Ma ha bát nhã, hay là Quán Tự Tại, là năm uẩn đều không, là Tướng không của các pháp, là Chân không, là cứu cánh Niết Bàn, là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, là Đại thần chú, Đại minh chú, Vô thượng chú, Vô đẳng đẳng chú, là Chân thật chẳng hư dối, là Tứ yết đế, là Bổ đề tát bà ha. Những đoạn kể trên đều là văn tự trích trong kinh nầy. Nhưng đó chỉ là danh tự giả lập để khai thị tất cả chúng sanh, kỳ thật, như trong kinh Pháp Hoa nói: "Pháp nầy chẳng thể chỉ bày, tướng ngôn từ dứt bặt". Tổ sư nói: "Nẻo nghĩ bàn dứt".

Nhưng trong các Kinh đức Như Lai dùng nhiều phương tiện để khai ngộ chúng sanh, nên dùng các danh từ để gọi như Chân như, Chân không, vô sanh, Thật tướng. Đó là chỉ vì người muốn nghe pháp, mà gượng lập danh, phương tiện chỉ bày cốt khiến cho người soi lại chính mình để thầm nhận, tâm sáng thần ngộ, tự thấy của báu nhà mình. Như người uống nước lạnh nóng tự biết, không thể nói năng mô tả được trạng thái ấy. Chỉ có bậc thượng căn mới có thể ở ngay nơi diệu tánh của sáu căn hay tịch chiếu song dung, đấy gọi là Tâm chân như môn.

Nếu như nói pháp được trình bày trong kinh nầy là Tâm sinh diệt môn, thì năm uẩn, sáu căn, sáu trần, sáu thức, sanh diệt, nhơ sạch, tăng giảm, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên, sáu độ muôn hạnh là danh tướng của tất cả pháp hữu tướng, hữu lậu, hữu vi. Bởi vì tâm chúng sanh, chân như chẳng giữ tự tánh nên sanh diệt. Luận về nguồn tâm vốn vắng lặng, vắng lặng tức chân như. Tâm vắng lặng chân như là thể của tâm. Tâm có tri giác, giác ấy là chiếu soi. Giác chiếu là dụng của tâm. Nhưng hay chiếu soi mà không lay động, đó là chiếu mà thường tịch. Tịch mà chẳng hôn trầm, đó là Tịch mà thường Chiếu. Nếu Chiếu Tịch chẳng hai thì

thuần là Chân như, ấy gọi là Tâm đệ nhứt nghĩa, cũng gọi là Tâm vô sanh, chính đoạn trước nói là Tâm chân như môn.

Nếu lúc chiếu soi cảnh vật mà chẳng giữ tịch tánh, một niệm nhỏ nhiệm chợt sanh, bỏ mình chạy theo vật, đó là chân như chẳng giữ tự tánh. Dấy tâm phân biệt, thì tâm phân biệt sanh, sanh rồi lại diệt, diệt rồi lại sanh, sanh diệt chẳng dừng, nên gọi là Tâm sanh diệt môn. Bởi lúc tâm chiếu soi cảnh vật, chẳng biết sắc tướng của sự vật vốn không, mà cho đó là thật có. Vì chấp có nên bị vật chuyển càng lúc càng xa không quay về được. Từ một niệm nhỏ nhiệm dấy lên, đó là tâm sanh hay gọi là sắc tâm. Do chiếu soi cảnh vật mà có tâm nầy, cũng gọi là tâm có tướng đó là Tâm sanh diệt môn. Kinh Lăng Già nói: "Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp". Gốc vô trụ tức là chân như chẳng giữ tự tánh, nghĩa là gặp cảnh tâm sanh, tâm tùy theo cảnh mà chuyển, đó gọi là chẳng giữ tự tánh. Tâm sanh thì pháp sanh. Kinh nói: "Ba cõi chỉ là tâm, muôn pháp chỉ là thức". Nên bảo: "Lập tất cả pháp, tất cả pháp chẳng lìa sanh diệt, đó gọi là Tâm sanh diệt môn".

Kinh nầy, đức Phật muốn khiến cho tất cả chúng sanh lìa bỏ sanh diệt, sống lại với thể chân như, chẳng sanh chẳng diệt. Nên Phật nói tâm kinh dạy người tu hành muốn trở về chân như, chứng diệu quả Niết Bàn rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt, phải nương theo nhân địa và pháp môn của Bồ tát Quán Tự Tại đã tu, thực hành sâu vào một môn mới soi thấy rõ năm uẩn đều không. Nếu ngộ được uẩn không thì thật tướng chân không bản nhiên rõ ràng, chẳng từ nơi người khác mà được, cũng chẳng phải đợi nói năng chỉ bày rồi mới biết. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tâm phàm chưa hết, hết tức Bồ đề, chỉ dứt tình phàm, riêng không thánh giải". Ví như lau gương, chẳng phải lau gương mà là lau bụi, bụi hết ánh sáng tự hiện, cũng chẳng từ nơi khác mà được. Nên biết Kinh nầy nương theo Ngài Quán Tự Tại soi thấy rõ năm uẩn đều không, đấy là cứu cánh.

***

Tiếng Phạn là Ma Ha, phương nầy dịch là Quảng đại; Bát Nhã, dịch là trí tuệ; Ba La, dịch là Bỉ ngạn; Mật đa, dịch là Đáo cực. Tám chữ nầy nếu dịch hết ra tiếng Trung Hoa là Quảng đại trí tuệ bỉ ngạn đáo cực (Trí tuệ rộng lớn đến tận bờ kia), hợp lại với hai chữ Tâm Kinh kết thành tên kinh. Và chỉ rõ tám chữ ấy tức là sự mầu nhiệm của Tâm.

Nên biết hai chữ Bát Nhã là theo pháp mà đặt tên, ngoài ra đều là khen ngợi sự rộng lớn và chỗ cứu cánh cùng tột đến bờ giác ngộ bên kia của Bát Nhã, chẳng phải các pháp môn tu hành khác có thể so sánh được. Người dịch vẫn để y tiếng Phạn, không phiên dịch đề kinh là có một thâm ý. Nghĩa là tiếng Phạn là lời bí mật, tên kinh bí mật là để biểu thị cho diệu pháp khó hiểu biết, tối tôn, tối thượng, hết sức huyền diệu, vô cùng sâu xa. Kế đó lại lấy hai chữ Tâm Kinh để chỉ cho nó, là vì xót thương người chẳng biết lời nói kín đáo kia chỉ cho cái gì, nên mới chỉ thẳng cho biết đó là Nhứt tâm.

Nói rộng lớn nghĩa là bao trùm tất cả sắc không, bốn loài sanh, sáu đường, mười hai loài sanh, sum la vạn tượng, tận pháp giới, hư không giới, sự, lý, tánh, tướng, không có cái gì chẳng hàm dung nên nói là Rộng. Hư không tuy không ngằn mé mà cũng không thể bao hàm được thể của nó, nên gọi là lớn. Vả lại, nói Rộng lớn đó là chỉ cho vật gì?

- Chỉ có Tâm là lớn nhất.

Nói Lớn thì không có cái gì hơn Tâm, nên nói Tâm bao trùm cả thái hư, lượng khắp các cội nước nhiều như số cát, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Phải biết hư không sanh trong tâm ông giống như một đốm mây điểm trên bầu trời xanh, hà huống thế giới ở trong hư không ư!". Do đó, biết thế giới bao hàm cõi nước, hư không bao hàm thế giới, tâm bao hàm hư không, nên Rộng lớn là nói về thể lượng của tâm. Rộng lớn khắp giáp hàm dung như thế, nhưng tâm thể tuy lớn, thánh phàm bình đẳng mà lại có trong đục, mê ngộ, thuận trái khác nhau. Tại Thánh thì từ lâu đã lóng đục thành trong, bỏ mê về ngộ, bỏ trái về thuận, cho nên thường thanh tịnh giác ngộ. Quán tất cả các pháp sắc không muôn tượng, biết là sắc huyễn như hoa đốm trong hư không, chỉ do tâm tạo ra, vốn chẳng phải thật có, nên chẳng sanh tâm phân biệt phan duyên. Hễ được Như như chẳng động thì Diệu tánh chân như trong lặng, sáng ngời, sự thấy biết tròn sáng khắp cùng các cõi nước nhiều như cát bụi. Pháp giới nầy thuần là Diệu tánh chân như, không có một tướng nào, một vật gì chẳng phải là chân như. Kinh Kim Cang nói: "Chẳng chấp nơi tướng thì như như chẳng động". Còn kẻ phàm phu thì chấp tướng trái giác theo trần, mê mờ căn tánh chạy theo thức tình. Thức tánh hư vọng bị các tướng làm cho tối tăm liền có năm lớp hỗn trược. Quán tất cả pháp sắc không muôn tượng, chẳng biết là chỉ do tâm hiện ra, từ nhân duyên sanh, duyên sanh không có tự tánh, vốn chẳng phải thật có. Mê tâm vọng chấp là thật, khởi niệm phân biệt thiện ác, tốt xấu, có không, hay dở, tranh chấp, nhân ngã, buông thả tham sân si. Vừa khởi tâm động niệm bèn là chân như chẳng giữ tự

tánh, theo vào vô minh. Từ đây tối tăm vẩn đục, chỉ biết có niệm lự và gọi đó là tâm, nên vĩnh viễn trái nghịch tánh chân như vắng lặng chiếu soi, trong sạch rộng lớn. Tâm niệm lự thì ở đâu cũng thiên cuộc, thế nên nhỏ hẹp, tối tăm, vẩn đục, mà chẳng phải là tâm thể rộng lớn trong sạch nầy.

Muốn thấy tâm thể rộng lớn trong sạch nầy, chỉ cần dứt tâm niệm lự phân biệt kia thì tâm sẽ vắng lặng mà thường chiếu, chiếu mà thường lặng. Tâm không còn tối tăm vẩn đục nữa và cũng như bầu trời trong tạnh thì làm sao mà chẳng rộng lớn?

Nói trí tuệ, trí là thể, tuệ là dụng. Tâm vắng lặng linh tri gọi là trí; tròn sáng hiển hiện gọi là tuệ. Trí tuệ tức là quán chiếu. Chỉ quán tự tâm, chẳng quán vật bên ngoài, gọi là Trí như như. Tuy nhiên, soi mà không trệ ngại, lặng lẽ thường sáng chẳng bị dục trần làm mê lầm, chẳng bị tham sân si che lấp, rõ biết tất cả đều là hoa đốm trong hư không, diệu tánh lặng lẽ sáng suốt như gương soi vật chẳng nhận chẳng chống, đó là Trí tuệ chân như. Nếu bị các thứ kể trên làm mê lầm che lấp tức là trí tuệ mà làm ngu si.

Nói bờ kia, vì nương nơi trí tuệ nên gọi là bờ kia; mất trí tuệ vào ngu si nên gọi là bờ nầy. Nay người tu hành vì nương theo trí tuệ của kinh nầy nên gọi là bờ kia. Chúng ta nên biết bên nầy bên kia chẳng phải xa, hễ một niệm vừa khởi tức gọi là bờ bên nầy; nếu như một niệm dứt ngay thì toàn thân nguyên tại bờ kia.

Nói Đến tột, là tạo khuôn vức cho Hiền Thánh, để bước lên thềm thang của Phật Tổ có sai khác tiệm, đốn, tiểu, đại, thiên, viên. Nếu từ tiệm giáo tiểu thừa thiên không và pháp quyền thừa mà tu thì đến chỗ chứng đắc có thứ bậc giai cấp, như bốn quả Thanh Văn, Nhị Thừa, Duyên giác, Tam hiền, Thập địa, Tam giác Phật thừa, Tối thượng thừa mới là Đến tột. Kinh Kim Cang nói: "Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt". Kinh nầy thì chẳng vậy, nếu nương theo trí tuệ chân như tâm, chỉ hay một niệm không sanh thì muôn pháp đều dứt. Nếu khế hợp với vô sanh tức là liền đến đất đai của Thánh nhân Phật Tổ, đó gọi là Đốn giáo Đại thừa, viên thành thật tuệ. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Như huyễn tam ma đề, khảy tay vượt vô học". Kinh Lăng Già nói: "Sơ địa liền là bát địa". Kinh Pháp Hoa nói: "Thẳng bẳng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng". Lại nói: "Lòng hết sức vui mừng, tự biết sẽ làm Phật". Tất cả quả Thánh đến Phật là cùng tột, kinh nầy là đốn giáo Đại thừa một bước liền vượt lên, chẳng trải qua thứ lớp giai cấp mà đến quả cùng tột Niết Bàn viên mãn cứu cánh, nên gọi là Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Nói Tâm kinh là chỉ thẳng tự tâm đầy đủ diệu pháp của tám chữ trên. Nói Tâm tức là Kinh, nói Kinh tức là Tâm. Tâm tức là diệu tánh sáu căn của đương nhơn, lóng đứng lặng yên, lặng mà thường chiếu, chiếu mà thường lặng, tròn sáng rõ biết khắp giáp các cõi nước nhiều như cát bụi. Hễ một niệm không sanh tức thì ánh sáng linh diệu của đương thể tâm chân như trí tuệ hiện tiền. Bằng như rõ thấu không sanh diệt, vắng lặng thường hằng, suốt xưa suốt nay, bao trùm ngang dọc, vững chắc thường còn không dời không đổi, nên gọi là Tâm Kinh.

Lại nữa, Kinh còn có nghĩa là trải qua. Trải qua từ xưa đến nay vẫn thường còn, nên nói Kinh là pháp thường hằng muôn đời không đổi.

Lại nữa, Kinh tiếng Phạn gọi là Tu Đa La, dịch là Khế Kinh. Khế nghĩa là Khế lý, tức là văn tự, chương cú trong kinh mỗi mỗi đều khế hợp với lý chân như, nên gọi là Khế Kinh.

Lại nữa, Kinh là đường tắt. Nghĩa là con đường thẳng tắt đưa đến Niết Bàn.

Lại Kinh là tất cả Hiền Thánh đều do nơi đó mà đến Bảo sở Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA, THỜI CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG, ĐỘ NHỨT THIẾT KHỔ ÁCH

Khi Bồ tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thảy khổ ách.

Đoạn nầy trình bày Bồ tát Quán Tự Tại tu hành môn trí tuệ đã chứng đến cực quả. Người tu hành nếu muốn đến chỗ của vị Bồ tát ấy đã đạt đến nên nương theo môn trí tuệ của Ngài đã tu, thì tin hiểu chẳng rơi vào tà kiến tà giải. Và hạnh chứng chẳng sa vào tiểu thừa thiên không hay ngoan không, rốt ráo sẽ lên quả vị cùng tột nơi bờ kia.

Lại đoạn văn nầy là phần tựa của toàn kinh. Đầu tiên, phần tựa nầy nêu lên tổng quát yếu chỉ của toàn kinh và nhân địa tu hành của người đương cơ, rồi kế đó từ trong phần tựa diễn nói từng đoạn để khai thị, khiến cho người tu hành như thế

mà ngộ nhập. Bồ tát Quán Tự Tại tức là vị Bồ tát trong kinh Pháp Hoa và Lăng Nghiêm gọi là Bồ tát Quán Thế Âm. Vì Kinh Pháp Hoa lấy văn âm ngộ nhập, Kinh Lăng Nghiêm dùng nhĩ căn ngộ nhập gọi là Quán Thế Âm. Kinh nầy từ Nhãn Căn mà ngộ nhập, nên gọi là Quán Tự Tại. Bởi tông yếu mỗi kinh đều khác nên tùy theo dụng mà đặt tên, nhưng chỗ quy thú vẫn là một.

Kinh Pháp Hoa dùng xưng danh được lợi ích. Danh tự là tướng của âm thanh, mà âm thanh tánh không, nhân nghe mà thành tiếng, cho nên tiếng không có tự tánh. Mượn tiếng để hiển cái nghe thì nghe là nhĩ căn, tánh nghe là thể của các âm thanh. Nhưng nhĩ căn và tánh nghe thể dụng trùm khắp ắt âm thanh ở thế gian cũng cùng với cái nghe mà trùm khắp. Nghe tức là quán, nên danh hiệu Quán Thế Âm khắp giáp cả mười phương. Kinh nói: "Mười phương các cõi nước, chỗ nào cũng hiện thân".

Kinh Lăng Nghiêm dùng nhĩ căn viên thông, cũng là tánh nghe trùm khắp, như mặt gương sáng, âm thanh thế gian đều hiển hiện trong ấy. Động hoặc xa gần, tịnh không ngằn mé, nên gọi là Quán Thế Âm. Kinh nói: "Danh hiệu Quán Thế Âm, khắp cả mười phương cõi". Kinh nầy do Nhãn Căn chiếu kiến, nên gọi là Quán Tự Tại. Nhưng một chữ Quán chẳng riêng cho mắt, tai, mà khắp cả sáu căn. Lại, chẳng hạn cuộc nơi sáu căn mà cũng khắp cả sáu trần. Lại, chẳng riêng gì nơi sáu căn sáu trần cũng trùm cả sáu thức. Thế thì chữ Quán nầy tức là diệu tánh của đương căn (ngay căn đang vận dụng), lặng lẽ mà thường chiếu soi, viên dung khắp căn, trần, thức, mười tám giới, cũng là thể thật của muôn pháp. Song lặng lẽ chiếu soi mà chẳng động như gương sáng hiện bóng, bóng tuy có động tịnh, qua lại, sanh diệt mà gương sáng vẫn lặng lẽ chiếu soi, đó gọi là Quán.

Tự tại tức là chỉ cho chữ Quán nầy. Đó chỉ vì Quán mà chẳng động, nên gọi Quán Tự Tại. Quán Tự Tại tức là chiếu soi mà thường lặng lẽ, thường lặng lẽ mà không lúc nào chẳng chiếu dụng, nên chiếu soi mà thường lặng lẽ được gọi là Quán Tự Tại.

Quán Tự Tại tức là tâm vô vi, tâm rỗng rang ứng vật, như gương hàm dung vạn tượng, là Đại viên cảnh trí; như biển in muôn hình, là biển Đại viên giác, Kinh Hoa Nghiêm gọi là căn bản trí, Kinh Pháp Hoa gọi là bạch hào tướng quang (một tia sáng từ tướng lông trắng ở giữa chặng mày Phật), hai Kinh Lăng Nghiêm và Lăng Già gọi là Như Lai tạng, Kinh Niết Bàn gọi là Pháp thân, Kinh nầy mở đầu nói là Quán Tự Tại, vì thế biết Quán Tự Tại chẳng những là tên khác của Quán Thế Âm mà ba chữ nầy (Quán Tự Tại) trên từ chư Phật Bồ tát, cho đến tất cả

chúng sanh, đều đồng một lý nầy, bình đẳng không hai, người tu hành trong hội ấy ngộ sáu căn của chính mình vốn có cái diệu tánh Quán Tự Tại. Các Kinh gọi đó là chánh nhân Phật tánh.

Bồ tát, nói đủ là Bồ đề tát đỏa (Bodhisattva) gọi tắt là Bồ tát. Bồ đề dịch là giác. Tát đỏa dịch là hữu tình. Hữu tình nghĩa là tất cả chúng sanh vì có sáu tình thức, cũng chính là chúng sanh. Vì thế, Bồ tát cũng được gọi là chúng sanh giác, nghĩa là tuy thân là chúng sanh mà có cái trí tuệ giác ngộ tự tâm, hay thực hành Phật đạo, nên gọi là Bồ tát. Lại hay trên rộng cầu Phật đạo dưới giáo hóa chúng sanh, độ hết chúng sanh cùng thành Phật đạo, hay phát tâm đại đạo, gọi là Ma ha tát (Đại Bồ tát). Nay chỉ nói Bồ tát là lược bớt vậy.

Thực hành sâu, thực hành tức là tu hành cũng là tiến hành. Sâu là lý bao hàm sâu rộng. Sâu là sâu kín khó lường, tức là pháp Đại thừa, Tối thượng thừa. Sâu tức là tâm rộng lớn. Sâu tức là cái tâm mầu nhiệm được ngộ sâu. Sâu tức là không dung phàm phu, nhị thừa, ngoại đạo có thể hiểu đến nổi, chỉ có Phật, Bồ tát mới hiểu đến được. Hiểu bằng Phật hiểu, gọi là hiểu sâu nương theo sự hiểu biết khởi tu, gọi là thực hành sâu. Chẳng phải cái hiểu cạn cợt của ngoại đạo có thể bì kịp, nên gọi là thực hành sâu.Thế nên biết hai chữ hành sâu là lời Phật thiết tha dạy bảo, ắt muốn chúng sanh hết lòng tin hiểu, chớ có ý tưởng dễ dàng nông cạn. Vì thế, thực hành sâu cũng là lời ngợi khen pháp. Nếu người hay thực hành được pháp sâu xa nầy thì trong nhân là quả, chỉ tâm tức là Phật, chẳng cần phải cầu Phật bên ngoài; chỉ Phật tức là Tâm chẳng nhọc tìm kiếm. Hễ ngộ tự tâm tức Như Như Phật, chẳng trải qua thứ bực giai cấp mà tự đến cực quả nơi bờ kia. Thực hành như thế há chẳng sâu ư?

Nếu bảo tu hành phải trải qua một thời gian lâu xa mới chứng là thực hành sâu thì trái với tông chỉ của Tâm Kinh, đâu còn gọi là pháp Đốn giáo Đại thừa. Phải biết ngay Quán Tự Tại tức là Tâm chân như; Tự Tại tức là chẳng sanh diệt. Dùng tâm chân như tự tại không sanh diệt quán tất cả các pháp sanh diệt thì biết tất cả các pháp hễ có sanh thì có diệt, mà tâm quán tự tại vốn không sanh diệt. Tâm tự quán tâm đó là Bồ tát. Rõ biết ngay tâm nầy tức là quán, ngay nơi quán tức là tâm, nương theo quán hạnh nầy gọi là thực hành sâu.

Bát Nhã ba la mật đa đã được giải thích ở phần trên.

Thực hành sâu về Bát Nhã ba la mật đa nghĩa là nương theo tâm chân như không tịch, trí tuệ rộng lớn đến tột bờ kia, soi thấy các pháp, năm uẩn, tất cả danh

tướng, đều đồng không tịch. Các pháp chỉ có dSanh tướng, mà không thực thể, thể của chúng tức là Chân như không tịch. Chỉ nương theo thể tu hành, chẳng còn chạy theo tất cả danh tướng, nên gọi là thực hành sâu Bát Nhã ba la mật đa. Khi ấy, Ngài soi thấy năm uẩn đều không. Kinh nầy lấy trí tuệ làm pháp thật, ngoài ra đều là lời ngợi khen pháp. Vả lại, hai chữ Trí tuệ thì Quán Tự Tại là Trí, tức là trong trí có Tuệ. Khi soi thấy là tuệ, tức là trong tuệ có Trí. Trí là căn bản tánh trí, vốn sẵn có ánh sáng linh diệu của Chân như tự tại, đó là trí. Rỗng rang phát ra thấy biết nên gọi là Quán Tự Tại, đây là trong lặng lẽ có chiếu soi. Tuệ là ánh sáng linh diệu tự tại rỗng rang phát ra thấy biết soi rõ vạn vật, gọi là tuệ. Hễ trong chiếu soi có lặng lẽ, gọi là tự tại tuệ. Khi ấy là lúc quán chiếu, là lúc tâm cảnh đối nhau. Một chữ Thời (khi ấy) nầy rất hệ trọng, là đệ nhứt thời, chẳng phải đệ nhị thời. Nếu khi soi thấy mà khởi tâm động niệm, tức là rơi vào đệ nhị thời, chẳng phải là đệ nhứt thời. Kinh nói: "Chỉ đây một việc thật, ngoài hai thì chẳng chân", người trí nên khéo biết.

Soi thấy tức là tuệ, hợp với Quán Tự Tại ở trên, là trí thể; hợp với khi ấy soi thấy ở dưới, là tuệ dụng; hợp với thực hành sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa ở giữa, là dùng trí tuệ chân như nầy quán chiếu năm uẩn. Vừa khi thấy năm uẩn, liền quán tướng uẩn vốn không, thì chẳng bị uẩn ngăn che. Quán uẩn chỉ do tâm hiện, đã là tâm hiện thì uẩn tự không có thể, toàn thể đều là tâm. Nên nói: Khi ấy, soi thấy năm uẩn đều không.

Năm uẩn tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là sắc thân. Thọ, tưởng, hành, thức tức là tâm. Dùng trí tuệ soi thấy thân tâm vốn không, nên nói Năm uẩn đều không.

Vượt qua tất cả khổ ách, vượt qua là vượt qua biển sanh tử, giải thoát khổ luân hồi. Nói vượt qua là vì chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, bị vô minh năm uẩn ngăn che, theo nghiệp thiện ác đã tạo, ở trong ba cõi, sáu đường, mười hai loài chúng sanh xuống lên tuần hoàn chẳng dứt, tùy thời thọ báo chẳng biết bao giờ mới được giải thoát. Nếu nương theo Kinh nầy tu hành, soi thấy uẩn không, đã biết năm uẩn đều không, thì tâm chẳng còn chạy theo phan duyên, trở lại thể Chân như không tịch, khế hợp với lý vô sanh, chẳng còn thọ thân hậu hữu, liền lìa khỏi sanh tử luân hồi, nên nói: Vượt thoát.

Tất cả khổ ách, Khổ là tám thứ khổ. Ách là vô minh, nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng. Nói tất cả khổ ách là mười hai loài chúng sanh trong ba cõi, sáu đường, hễ có sanh thì đều khổ, nên nói chung là tất cả khổ ách. Nếu

nương theo Kinh nầy, dùng trí tuệ soi chiếu năm uẩn, biết uẩn vốn không, thì khổ ách cũng không. Biết uẩn vốn không, cũng không có Ngã, Ngã đã là không thì cái gì chịu khổ? Huống là khổ ách cũng không, đâu chẳng phải là vượt qua tất cả khổ ách ư! Nên biết lời tựa Kinh nầy, một là lấy sự tu nhân chứng quả đã thành tựu của Bồ tát Quán Tự Tại để thể nghiệm, khiến cho mọi người khẳng định niềm tin của mình và niềm tin ấy càng thêm chắc chắn. Một nữa là lấy chỗ lý thú trong lời tựa của toàn Kinh làm y cứ cho người tu hành tự mình tin hiểu. Từ hiểu mà thành hạnh. Hiểu và làm xứng hợp thẳng đến rốt ráo thành Phật, nên nói: Vượt qua tất cả khổ ách.

XÁ LỢI TỬ! SẮC BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ SẮC, SẮC TƯùC THỊ KHÔNG, KHÔNG TƯùC THỊ SẮC

Nầy Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc.

Đoạn nầy là phần chánh tông, nói về Quán hạnh của kinh nầy.

Phần tựa ban đầu nêu Quán Tự Tại và thực hành sâu cùng. Khi ấy soi thấy năm uẩn đều không. Đây là diễn bày năm uẩn không, khiến người tu hành nương lời Phật dạy tự hiểu, do đó trình bày Hạnh môn quán chiếu có từng đoạn theo thứ lớp.

Xá Lợi Tử, tiếng Phạn là Xá Lợi, đây dịch là Thân, là tên của mẹ; dùng tên mẹ để gọi tên con nên có chữ Tử, nên gọi là Xá Lợi Tử, dịch là Thân Tử. Xá Lợi Tử là vị đệ tử Phật có trí tuệ bậc nhứt. Phật nói kinh trí tuệ, người có trí tuệ mới đủ khả năng tin hiểu, nên Phật gọi tên để bảo ông.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Xá Lợi Phất, nhãn căn viên thông, chứng A la hán". Nhãn căn viên thông tức là mắt có khả năng thấy, thấy tức là tánh, nên nói là tánh thấy. Tánh thấy trùm khắp nên nói là viên thông. Tuy mắt có thấy mà biết rõ các tướng bị thấy, đều như hoa đốm trong hư không. Ngộ được tướng chẳng phải tướng, rõ ràng thấy chẳng phải thấy. Ngộ rõ vốn là chẳng phải tướng, chẳng phải thấy, tức gọi là chánh kiến, cũng gọi là tuệ nhãn. Nên trong Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Thấy biết lập thấy biết tức gốc vô minh, thấy biết không thấy biết, đây tức Niết Bàn". Nên Xá Lợi Tử trí tuệ nhãn căn viên thông, tuy chẳng phải là người đương cơ của Kinh Lăng Nghiêm mà chính là người đương cơ của Tâm Kinh. Bởi

cơ và giáo hợp nhau nên Phật gọi Ngài để bảo: "Nầy Xá Lợi Tử!". Tiếng gọi nầy Xá Lợi Tử, là Phật thầm chỉ dạy chúng sanh: Chỗ kinh nầy tuyên bày chính là pháp môn chỉ thẳng thấy tánh thành Phật. Kinh nầy đầu tiên nêu Quán Tự Tại, đoạn nầy gọi Xá Lợi tử, thì Quán Tự Tại là trí tuệ bản giác, Xá Lợi Tử là trí tuệ thủy giác. Trước sau, bản thủy phù hợp nhau, đây là cơ và giáo tương xứng. Nếu chẳng phải là người có thể ngoài ngôn ngữ mà khéo biết, thì dù cho tụng Tâm Kinh đến cùng kiếp cũng chẳng thể biết được cửa nẻo để vào. Lạ thay! Người biết được cửa vào mà tu hành, đó há chẳng phải là thực hành sâu xa cùng cực ư!

Lại, nên biết Xá Lợi là Thân, Thân có căn tri giác. Tri giác là sở hữu của Thân, nên nói là Tử. Tuy Thân có tướng mà do bốn đại tụ hợp lại thành, tánh sắc vốn không; Tử là tánh tri giác, mà tri giác vốn sẵn có. Gọi tri giác để bảo, nên gọi Xá Lợi Tử, cũng như mẹ tên Xá Lợi, tuy có tên mà chẳng có ở trước mắt. Do đó so sánh mà biết sắc thân bốn đại chỉ có tên mà không thật, thể của nó vốn không. Trí tuệ Tử kia, tuy không danh tướng, mà thật thể hiện tiền, nhận lãnh lời Phật dạy. Nên so sánh mà biết tri giác tuy không hình dung mà sáng suốt linh diệu chiếu soi, nhận lãnh lời dạy, nên gọi ngay tri giác mà bảo, vì thế gọi Xá Lợi Tử, thế nên biết người có tri giác đều là Xá Lợi Tử hay quay tri giác trở lại làm trí tuệ, thì gọi là chân thật Quán tự Tại. Người tu hành nên tự biết.

Sắc chẳng khác không, từ đây trở xuống là môn ban đầu của hạnh chánh quán.

Phần tựa ở trước nói: khi, soi, thấy, ba chữ. Khi chính là lúc căn trần đối nhau. Soi tức là ánh sáng nguồn tâm hiện tiền soi rõ muôn tượng, trong kinh gọi là "Diệu minh nguyên tinh, Như Lai tạng tánh". Thấy thuộc về nhãn căn, vốn nương nơi Như Lai tạng, hiện tại nhãn căn hay đối với sắc trần, gọi là tánh chiếu kiến.

Nay nói Sắc chẳng khác không là lúc nhãn căn thấy sắc, quán sắc cũng như bóng, rõ sắc vốn không nhãn căn như gương sáng trong sáng không có hình tượng, sắc tướng như bóng, bóng tuy hư giả mà toàn bóng là gương, cũng như sắc tuy huyễn vọng mà toàn sắc là tự tánh chiếu kiến của Chân không Như lai tạng, cho nên nói: Sắc chẳng khác không. Câu nầy nhằm phá phàm phu chấp sắc là có, chẳng biết nghĩa sắc tức là không. Chấp thấy là ta có thấy, chẳng biết cái thấy từ nơi sắc hiện, sắc từ nơi thấy mà sanh. Sắc tướng là bóng huyễn hóa như hoa đốm trong hư không, cái thấy là sự mỏi nhọc của con mắt bệnh. Sắc tướng còn không, cái thấy từ đâu mà có. Nên tuy nói sắc tức là không mà gồm trừ luôn cả cái thấy, đó là cái thấy cũng tức là không. Hãy tham!

Không chẳng khác sắc nghĩa là lúc nhãn căn soi thấy không, quán không cũng là một không trần. Phải biết không cùng với sắc, đều là đối tượng của mắt, sắc là sắc trần, không là không trần. Có hình tướng chướng ngại gọi là sắc, không hình tướng chướng ngại gọi là không. Câu trên nói sắc chẳng khác không là sắc vốn không, chẳng nên tưởng là có sắc. Câu nầy nói không chẳng khác sắc, là không cũng như sắc, sắc trần vốn không thì không cũng vốn không, sắc không đều chẳng phải, sẽ là vật gì? Hãy xét kỹ! Phải biết sắc không nguyên chẳng phải khác thể, vốn là Chân không như Lai tạng tánh, nên nói chẳng khác.

Nhưng nay đang thấy sắc không đó là chỉ do tâm hiện ra. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Mờ mịt là hư không, trong hư không mờ tối, kết tối tăm làm sắc". Sắc không nầy chỉ là tâm hiện lượng, nên nói không chẳng khác sắc. Câu nầy phá ngoại đạo rơi vào kiến chấp ngoan không đoạn diệt, mà chẳng biết nghĩa không tức là sắc. Nên tuy nói không tức là sắc; mà lìa cả tà kiến ngoan không đoạn diệt của ngoại đạo. Tham nữa đi!

Sắc tức là không nghĩa là sắc tuy có tướng mà vốn không. Tại sao vốn không? Vì bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải có. Cũng như hoa đốm trong hư không, hoặc sóng nắng đều nương vào hư không mà có tướng. Tướng chính là vô tướng,nên nói sắc tức là không. Câu nầy phá hàng Tiểu thừa sợ sắc nên chấp không, chẳng biết sắc vốn không, mà vọng sanh sợ hãi. Chẳng biết ba cõi tất cả thế gian đều là cảnh mộng, mà vọng sanh ưa chán, lấy bỏ. Chẳng biết sắc tướng vốn không sanh diệt, mà vọng chán khổ sanh tử, cầu viu Niết Bàn. Đây chẳng những rõ sắc tức là không, mà cũng dứt sạch các thứ vọng tình ưa chán, lấy bỏ. Tham thật chín chắn đi!

Không tức là sắc, nghĩa là chẳng đợi sắc diệt rồi sau đó mới không, cũng chẳng phải ngoài sắc là không, mà ngay nơi sắc nầy toàn tánh là không. Không chẳng riêng không, toàn sắc đều là không. Sắc chẳng riêng sắc, toàn không đều là sắc. Không và sắc nhứt như, nên nói Không tức là sắc. Câu nầy là phá Nhị Thừa chán huyên náo, tìm vắng lặng, lánh động về tịnh, kẹt nơi thiên không, mà chẳng biết quán không và sắc bình đẳng nhứt như. Nếu hay bình đẳng nhứt như, thì không và sắc vốn chẳng phải không và sắc, mà toàn là sự ứng hiện củaChân như diệu tâm. Đã toàn là Chân như, sao gọi là không và sắc? Tham cho thấu đáo đi!

Cần biết đoạn nầy gọi là Xá Lợi Tử, là dạy người tu hành xoay lại quán tâm mình, tức là tri giác. Tri giác tức là Xá Lợi Tử. Xá Lợi Tử tức là trí tuệ của Quán Tự Tại. Người tu hành lúc nương theo trí tuệ tự tại như khi soi thấy sắc trần, thì tự

biết thể chiếu soi độc lập, vắng lặng chẳng động, sắc trần là nhãn căn kết tối làm sắc. Sắc chẳng phải thật có, toàn là thể chiếu soi tròn sáng, như gương chứa muôn hình tượng, mà gương chẳng phải sắc, tùy theo hình tượng mà hiện sắc. Thế nên biết thể chiếu soi tròn sáng rỗng lặng, mà sắc trần hiện ở trong thể tròn sáng đó, tuy có tướng mà đồng là rỗng lặng. Nên biết sắc chẳng khác không. Song chúng sanh chấp cái thấy thành bịnh, cái thấy bịnh nên hiện ra vật sắc như hoa đốm giữa hư không. Mê tâm chấp sắc cho là thật có, chẳng thể quán không tịch, thấy cùng sắc lầm kết tích tụ, nên gọi là sắc uẩn. Uẩn nghĩa là kết.

Nếu biết sắc là do cái thấy bịnh mà thành, thì thấy sắc là thấy lầm tướng hư vọng, thể vọng vốn là không. Đã rõ vốn không, tức là chẳng còn chấp sắc là có. Tâm nếu chẳng chấp, đó là lớp thứ nhứt phá được vọng tưởng kiên cố của nhãn căn kết tối, thấy sắc là có của hạng phàm phu.

Nên biết sắc thân của chính mình, đương thể huyễn vọng cũng chẳng khác không. Rõ sắc tức là không, rỗng rang không một vật, cho đến trời đất núi sông, sum la vạn tượng cũng tức là không, đó là mở được khổ ách của sắc kết.

Người tu hành lúc nương theo trí tuệ Quán Tự Tại, soi thấy không trần thì tự biết thể chiếu soi độc lập. Không trần hiện trong thể chiếu soi, là sự si ngoan tăm tối của tâm, nhãn căn mờ tối mà làm không. Không chẳng phải thật không, toàn là thể chiếu soi. Đã là thể chiếu soi hiện tiền, cái gì là không? Nhưng nói thấy không, cũng là vọng thấy. Biết không chẳng phải không, là chẳng vướng vào thấy không. Vì không đối với thấy, nên biết không cũng là không trần đối với nhãn căn. Vốn nương thể chân không chiếu soi mà hiển hiện, thế nên biết không chẳng khác sắc. Bởi vì không cùng với sắc đồng một bản nhân. Nếu chẳng kẹt vào thấy không, đây là lớp thứ hai phá chấp chặt về thấy không.

Lại, người tu hành nương theo trí tuệ Quán Tự Tại, thấy sắc chẳng khởi tưởng sắc. Quán sắc là tướng giả có, như hoa đốm trong hư không, đương thể tức không, chẳng phải diệt sắc, mới là không, sắc chất bèn là không, nên nói sắc tức là không. đã rõ sắc tức là không, đó là lớp thứ ba phá sắc vốn hư giả, nhưng nó cùng với tánh không đều dung thông, cái thấy chẳng bị sắc làm chướng ngại.

Lại, người tu hành nương theo tuệ Quán tự tại nầy thấy không mà chẳng khởi tưởng không. Quán không cùng với sắc, đồng thể nhứt như, bình đẳng không khác. Cho nên biết không và sắc đồng thể nhứt như, thì chẳng khởi hai kiến chấp có không, hai tướng không và sắc, hai chấp ngã và nhân. Nếu chẳng phải kẹt nơi

kiến chấp tướng, nên biết không tức là sắc, chẳng phải là cái không đối với sắc mà nói không. Vả lại, vô biên danh tướng, sum la vạn tượng tột pháp giới, hư không giới, chẳng qua là do hai thứ sắc và không hiển hiện. Chỉ nói sắc và không, là gồm thâu hết danh tướng của pháp giới. Nay sắc không đều dung thông nhứt như bình đẳng thì một đó là gì? Người tu hành thử để mắt xem nhãn quang độc chiếu. Vả lại, chiếu từ đâu mà phát? Phải biết là từ Bồ tát Quán Tự Tại, viên thông chiếu khắp. Cổ đức nói:

Khít khao sừng sững đâu từng hở,

Một ánh hàn quang rực cả trời,

(đường đường, mật mật hà tằng gián,

Nhứt đạo hàn quang thước thái hư).

Lại bảo: "Xanh xanh trúc biếc thảy là Chân như,

Mơn mởn hoa vàng không gì chẳng phải Bát Nhã"

(Thanh thanh thúy trúc tổng thị Chân như,

Uất uất hoàn hoa vô phi Bát Nhã).

Núi sông và đại địa toàn bày thân pháp vương. Như thế thì không và sắc đều dung thông nơi nhứt chiếu. Đây là lớp thứ tư không chẳng phải không, không và sắc vốn không, chỉ do tâm hiện. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Một người trong các ông phát chân quy nguyên, thì mười phương hư không thảy đều tiêu mất, hà huống thế giới ở trong hư không, trong không lại có các cõi nước". Đây là một đoạn Kinh đả phá sắc uẩn khiến cho biết ngay sắc tướng vốn không. Hiểu rõ từ vô thủy đến nay điên đảo chấp uẩn kết sắc là thật có. Bởi vì sắc là sắc thân bên trong của mình, bên ngoài như núi sông, sum la vạn tượng, cho đến hư không và tất cả sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian, đều gọi chung là sắc uẩn. Chúng sanh từ vô thủy đến nay, lầm nhận sắc thân là thật có ta, cho đến sum la vạn tượng cảnh giới sáu trần ta trông thấy là thật có. Tùy sự thuận nghịch với mình mà sanh yêu ghét, rồi khởi tham sân si. Làm thiện làm ác, nhân quả tuần hoàn, theo nghiệp phải chịu quả báo, ba cõi lên xuống, luân hồi chẳng hẹn ngày ra. Nếu gặp kinh nầy, theo đây tu hành, chiếu phá sắc uẩn, biết sắc vốn không, thì ngay khi ấy bên trong chẳng tham đắm sắc thân, bên ngoài chẳng tham luyến cảnh giới sáu trần

của thế gian, tâm yêu ghét thuận nghịch tức thì dứt sạch, bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả hoàn toàn tiêu diệt. Tâm đồng hư không, thể chiếu soi độc lập, đây gọi là sắc uẩn không. Bốn uẩn kia là thọ, tưởng, hành, thức đều nương sắc uẩn mà có. Nếu rõ sắc uẩn không thì bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức cũng theo đó liền không. Cho nên dưới đây chẳng lặp lại từng uẩn, mà nói thẳng:

THỌ, TƯỞNG, HÀNH THỨC DIỆC PHỤC NHƯ THỊ

Thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như thế.

Trước nói bốn câu sắc chẳng khác không v.v... trước nói Chẳng khác nghĩa là tuy sắc và không thấy có khác nhưng vẫn đồng một bản nhân, chỉ do tâm hiện ra. Đã chỉ là tâm, thì sắc và không, nhân của chúng chẳng khác, nên nói Chẳng khác. Sau nói Tức là nghĩa là tuy sắc và không hai thứ mà chẳng xem là hai. Sắc tướng hư giả tức là không, tánh không hư dung tức là sắc, như thế thì trùm pháp giới, khắp hư không, rỡ rỡ ràng ràng, há chẳng phải là diệu sắc của chân không ư? Nên nói Tức là.

Vả lại sắc uẩn giả có, đã toàn là diệu sắc của chân không, thì thọ, tưởng, hành, thức cũng tức là chân không. Chỉ vì mê tâm kết tối tăm làm sắc uẩn, hư dung làm chân không. Tâm của thọ, tưởng , hành, thức hư vọng tùy theo sắc uẩn mà làm thọ, tưởng, hành, thức. Nếu sắc uẩn không thì thọ, tưởng, hành, thức cũng toàn là chân không, đâu cần phá nữa! Nhưng đốn tiệm có sai khác, nếu người trung hạ chưa thể liền thấy như như, thì nên theo thứ lớp tu quán. Nương theo tuệ Quán tự tại nầy, ngồi yên quán chiếu sắc uẩn vốn không, kế quán bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức đều không, nên nói: Cũng lại như thế.

Sắc nghĩa là vật có hình chất đối với nhãn căn và đối với sáu căn. Trong thì bốn đại tự thân tụ họp thành hình, ngoài thì cảnh giới sáu trần, sum la vạn tượng, hiện đối với sáu căn. Đó là Sắc uẩn. Thọ uẩn là lãnh nạp thọ dụng, nghĩa là thọ nhận bốn đại giả hợp làm sắc thân mình. Thọ nương nơi thế giới sáu trần thành ra có lãnh nạp thọ dụng. Đối với sắc thân, thế giới, tất cả khổ vui thảy đều lãnh thọ, gọi đó là Thọ uẩn.

Đối với mọi sự khổ vui của sắc thân, thế giới tưởng sự khổ vui của sắc thân và thế giới ấy là có, gọi là Tưởng uẩn.

Ở trong thọ tưởng, sát na sanh diệt, niệm lự giong ruổi, suy nghĩ tạo tác, gọi là Hành uẩn.

Trong sắc, thọ, tưởng, hành, tất cả khổ vui, thiện ác, tốt xấu, có không, sanh diệt, sáng tối, sắc không, qua lại, xa gần v.v... thảy đều phân biệt, gọi là Thức uẩn.

Sắc uẩn là sắc thân, sum la vạn tượng là sắc cảnh, đồng gọi là Sắc uẩn. Bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức là Sắc tâm, nghĩa là nương vào sắc mà có tâm, nên gọi là Sắc tâm. Nay phải quán sắc thân, sắc cảnh như không hoa, huyễn sắc, như sóng nước trong ánh nắng, như bóng trong nước gương, như cảnh giới chiêm bao, tất cả chẳng phải thật. Đó tức là sắc thân, sắc cảnh vốn không, sắc tâm duyên sắc thân, sắc cảnh mà có. Sắc uẩn của thân và cảnh đã không, thì tâm duyên tự không, nên nói: Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế.

XÁ LỢI TỬ! THỊ CHU PHÁP KHÔNG TƯỚNG, BẤT SANH DIỆT, BẤT CẤU BẤT TỊNH, BẤT TĂNG BẤT GIẢM

Nầy Xá Lợi Phất! Tướng không của các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Đoạn nầy lại gọi Xá Lợi Phất, là chạm mặt có tri giác nên đích thân bảo ông. Ý kiến cho ông Xá Lợi Phất mỗi mỗi hồi quán tự chiếu pháp thân chân như bản lai không tịch.

Tướng không của các pháp, câu nầy nêu đoạn trên soi thấy năm uẩn thể không. Khi ấy chỉ thấy thể chiếu soi độc lập của Chân như không tịch, tức chỉ cho tướng chiếu thể diệu viên, nên nói là Tướng không của các pháp.

Một chữ Tướng nầy, chẳng phải là tướng của bốn đại, năm uẩn, sum la vạn tượng. Mà nói Tướng, là vì các pháp tuy có tướng mà rỗng không, là tướng giả chứ chẳng phải tướng thật. Thể chiếu soi không tịch, tuy chẳng có thể hình dung mà là linh quang rỡ rỡ, chói ngời, thể chiếu cùng khắp đó là thật tướng của các pháp. Khi đó chẳng khởi thấy các pháp, bốn đại, năm uẩn, nên nói các pháp không. Chỉ quán Bát Nhã thể chiếu hiện tiền, tròn đầy sáng rỡ, rỗng rang không ngằn mé, ắt rõ tất cả tướng đều là thể chiếu thật tướng của chân không, nên nói là tướng không của các pháp.

Tướng không của các pháp tức là tướng pháp thân. Cổ đức nói: "Tất cả sắc đều là sắc Phật, tất cả tiếng đều là tiếng Phật". Kinh Lăng Già chú nói: "Chạm mắt không gì chẳng phải là Phật". Kinh Kim Cang nói: "Tất cả pháp đều là Phật pháp". Ngài Vĩnh Gia nói:

Anh thấy chăng!

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,

Chẳng trừ vọng niệm chẳng cầu chân,

Tánh thật vô minh tức Phật tánh,

Thân không huyễn hóa tức Pháp thân,

(Quân bất kiến!

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,

Bất trừ vọng niệm bất cầu chân,

Vô minh thật tánh tức Phật tánh,

Huyễn hóa không thân tức Pháp thân).

Chẳng sanh chẳng diệt nghĩa là cái thể Bát Nhã chiếu soi hiện tiền, liền tự biết bốn đại, năm uẩn, tất cả các pháp xưa nay chẳng sanh. Tại sao chẳng sanh? Vì năm uẩn vốn không, nên chẳng sanh. Năm uẩn vốn không, nên chẳng diệt. Giả tướng của bốn đại năm uẩn cũng như hoa đốm trong không, nguyên không có thể tánh, nên chẳng sanh. Nó đã không sanh, thì xưa nay vắng lặng tịch diệt. Chẳng phải xưa có nay không, mà gọi là diệt. Bởi hoa đốm trong không là chất huyễn, đương thể tức không, có sanh diệt gì đâu để nói! Năm uẩn của chúng sanh, cũng như hoa đốm trong không, đương thể hư giả, hư giả là tức không, nên nói chẳng sanh chẳng diệt.

Kinh nói: "Tất cả chúng sanh xưa nay tịch diệt, chẳng còn diệt nữa". Kinh Viên Giác nói: "Tất cả chúng sanh xưa nay thành Phật. Sanh tử Niết Bàn như giấc mộng đêm qua". Vì như giấc mộng đêm qua, nên biết sanh tử cùng với Niết Bàn, không khởi không diệt.

Thế nên biết năm uẩn như hoa đốm trong không, vốn không sanh diệt. Nhưng thể Bát Nhã chiếu soi, là thể chân thật của tất cả các pháp. Trải qua nhiều kiếp mà chẳng biết chỗ khởi đầu, tột đời vị lai mà chẳng thấy chung cuộc. Suốt xưa nay, như như bất động. Bền chắc thường còn, chẳng biến chẳng hoạinhư chất Kim Cang. Đó là thể chân thật rốt ráo chẳng sanh chẳng diệt.

Chẳng nhơ chẳng sạch =là thể Bát Nhã chiếu soi, là tướng không của các pháp, bản tánh nguyên tự trong sạch, vốn chẳng nhiễm ô nên nói chẳng nhơ. Nguyên tự trong sạch, chẳng phải do rửa nhơ để được sạch, nên nói chẳng sạch. Vì thể tánh của nó không tịch, nên nhơ sạch chẳng thể được. Nhân chúng sanh trái giác hợp trần, tự quên thể chiếu soi. Do thấy vọng, biết vọng, thấy có thân tâm bốn đại, năm uẩn, tham nhiễm sáu trần, năm dục thế gian, nên nhơ, bụi nhơ là gì? Kinh nói: "Tướng tưởng là bụi, tình thức là nhơ". Hiện tiền chỉ thấy thân tâm bốn đại, năm uẩn, sáu trần thế gian, cảnh giới sum la, lăng xăng vẩn đục, che phủ thể chân như không tịch. Do vọng tâm đối vọng cảnh, buông lung tham sân si khởi hoặc tạo nghiệp, nên gọi là nhơ. Nếu nhận được tham sân si là nhân khổ của ba đường ác, tu giới định tuệ để diệt nhân khổ, nên nói là sạch.

Nếu nương theo thể Bát Nhã chiếu soi không tịch hiện tiền, thì bốn đại, năm uẩn, sáu căn, sáu trần, vọng cảnh của muôn tượng vốn là rỗng không, nên chẳng nhơ. Đã biết vọng cảnh nguyên rỗng, chẳng nhọc tu hành để dứt, rồi nhơ mới sạch, nên nói: Chẳng sạch. Kinh nói: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng". Biết là hư vọng, nên chẳng tưởng là nhơ. Lại nói: "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai, nghĩa là lúc thấy các tướng rõ biết tướng vốn rỗng không, thì toàn tướng tức tánh. Do các tướng vốn rỗng tức chẳng phải tướng, mà toàn tướng tức tánh, tánh không viên dung, tức là thấy Như Lai, chẳng lại tìm Như Lai nào khác. Tánh không hiện tiền, nên chẳng khởi tướng sạch, chẳng nhơ chẳng sạch là tướng thật xưa nay trong sạchChẳng tăng chẳng giảm là vì tâm vọng thấy cảnh vọng, nên thấy có Phật có chúng sanh, có thánh có phàm, có thông minh, có đần độn, có trí tuệ, có ngu si, có trong có đục, có sạch có nhơ, tự có phân chia cao thấp hơn kém, do đó nói có tăng có giảm, nương thể Bát Nhã chiếu soi vắng lặng hiện tiền, nên chẳng khởi tưởng sạch thì thể chiếu soi lắng sâu rộng lớn không bờ mê. Năm uẩn vốn không, nên nói năm uẩn pháp không, thể trùm các cõi nhiều như cát bụi. Thế nên biết tướng không của các pháp, tất cả bình đẳng, ở thánh chẳng tăng, ở phàm chẳng giảm, rốt ráo không phân chia cao thấp hơn kém, nên nói chẳng tăng chẳng giảm.

THỊ CỐ KHÔNG TRUNG VÔ SẮC, VÔ THỌ, TƯỞNG, HÀNH, THỨC

Cho nên trong tướng không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức.

Cho nên, là lời chuyển từ trên xuống đoạn dưới. Bởi đoạn trên nói Tướng không của các pháp, thì tất cả pháp bình đẳng, vật và ngã đều như, tự và tha cùng một thể. Chẳng còn có cái thấy sai biệt sanh diệt, nhơ sạch, tăng giảm. Chỉ là thể Bát Nhã chiếu soi trác nhiên độc lập, rỗng rang vắng lặng. Trong đó không có năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nói Trong không, Không nghĩa là các pháp năm uẩn không, tức chỉ cho tướng không của các pháp ở đoạn trước. Trong nghĩa là thể chiếu soi vắng lặng, lắng sâu thường sáng, lìa cả hai bên, tức chỉ hai bên chẳng sanh diệt, chẳng nhơ sạch, chẳng tăng giảm, ở trước. Hai bên đã lìa, thì thường ở Trung đạo. Hợp lại nói là Trong không. Trong không là căn cứ trong tướng không của các pháp ở trên, nói gọn là Trong không.

Nói Không sắc, nghĩa là trong tánh không tịch, chỉ vì tự tánh tự chiếu, không tướng sắc thân, cho đến không tướng cảnh giới.

Nói Không thọ, tưởng, hành, thức, nghĩa là trong tánh không tịch, chỉ dùng thể hư linh chẳng mờ tối làm tâm xưa nay, mà chẳng dùng tâm phân biệt phan duyên thiện ác, tốt xấu, khổ vui. Bởi do chúng sanh mê tâm hiện ra cảnh, cảnh theo tâm sanh. Do cảnh đối tâm, tâm theo cảnh chuyển. Nếu rõ thân và cảnh đều không, thì tâm không chỗ nương, vắng lặng thường tịch, nên nói Không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức. Đây là căn cứ trong tướng không của các pháp ở trên, chẳng những bình đẳng không sai biệt, cũng không thân tâm năm uẩn.

VÔ NHÃN, NHĨ, TỸ, THIỆT, THÂN Ý.

Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Đây tiếp theo trên trong không, chẳng những không năm uẩn, cũng không sáu nhập.

Sáu nhập cũng gọi là sáu căn, là chỗ sáu trần theo vào, nên gọi là sáu nhập. Lại, thức tinh của sáu chỗ, hấp thụ sáu trần, dẫn vào tạng thức, nên gọi là sáu nhập.

Sáu căn nghĩa là sáu tinh: thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, biết; Sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vốn từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mà được hiện sinh, nên gọi là sáu căn. Căn của sáu nhập, nương thân mà có, thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, biết, đối cảnh mà hiện. Nếu rõ thân và cảnh đều không, thì sáu căn không chỗ gá. Sáu căn đã lặng thì sáu trần cũng không từ đâu vào, do đó nói không sáu nhập.

Thể chân như chiếu soi chẳng giữ tự tánh, theo vọng thấy có thân và cảnh, năng đối gọi là căn, sở đối gọi là trần. Do căn hay đối, hấp thu sáu trần, dẫn vào tạng thức, nên cũng gọi là sáu nhập. Vì mắt hay thấy dính vào sắc, tai hay nghe dính vào tiếng, mũi hay ngửi dính vào hương, lưỡi hay nếm dính vào vị, thân hay cảm giác dính vào xúc, ý hay hiểu biết dính vào các pháp. Nhưng năng đối sở đối, đồng là năm uẩn. Nếu rõ uẩn không, tất nhiên năng sở đều bặt, thể chiếu soi tròn sáng, vắng lặng thường hằng, ngoài không đối cảnh, trong không sanh tâm, thì trong thể không tịch viên dung chiếu soi lẫn nhau. Thế nên trong không, không tướng căn của sáu nhập.

VÔ SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP

Không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Đây tiếp theo trên, trong không, chẳng những không năm uẩn, các căn của sáu nhập, cũng không sáu trần của mười hai xứ. Trên nói các căn của sáu nhập, là từ tính hay thấy, hay nghe, hay ngửi, hay nếm, hay cảm giác, hay hiểu biết, gọi là căn bên trong nương vào thân tâm mà có tánh hay biết, bởi chúng gần gũi nương tựa thân, nên gọi là căn. Đây nói sáu trần của mười hai xứ. Sáu căn ở trên, sáu trần ở đây. Vì căn và trần đối nhau nên thành mười hai. Mà căn trần mỗi thứ có xứ sở riêng, nên gọi là mười hai xứ.

Nói Trần, là che phủ chân tánh. Bởi căn tánh vắng lặng sáng suốt, như ánh sáng của gương, nhưng hay chiếu vật, mà trần như bóng trong gương. Bóng có xanh, vàng, đỏ, trắng muôn ngàn sai khác. Bóng tuy rỗng không, mà cùng gương đồng thể, huyễn hiện các tướng lộn lạo trong gương. Người không biết, chỉ thấy các tướng, mà chẳng thấy được sự sáng suốt của gương, do các tướng che phủ, lộn lạo, nên gọi là trần. Cũng như tánh của căn tròn sáng, hay chiếu soi các vật, mà bị tướng vật sáu trần khuấy loạn trong căn. Người mê vin theo sáu trần, bên trong mờ tối, che lấp mất đi, chỉ thấy sáu trần, chẳng thấy căn tánh. Nếu nương thể Bát Nhã chiếu soi, quán các pháp không, thì biết sáu trần chẳng từ bên ngoài đến, nhân căn mà có tướng. Sáu căn chẳng phải bản nhiên, nhân trần mà có thấy. Nay quán các pháp vốn không, thì năm uẩn không. Năm uẩn đã không, thì thân cảnh làm sao có? Thân và cảnh đều không, thì sáu căn đâu còn chỗ nương tựa. Sáu căn đã lặng, thì sáu trần vốn không, thế nên trong không, không sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của mười hai xứ.

VÔ NHÃN GIỚI NÃI CHÍ VÔ Ý THỨC GIỚI

Không nhãn giới, cho đến không ý thức giới.

Đây tiếp theo trên, trong không chẳng những không năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mà sáu thức của mười tám giới cũng không.

Thức, liễu biệt sáu trần gọi là thức, nghĩa là căn trần đối nhau, thức sanh phân biệt. Nếu thấy các pháp không, thì căn trần cũng không, thức phân biệt cái gì? Thế nên trong không không sáu thức của mười tám giới.

Đoạn nầy nói Không nhãn giới, cho đến không ý thức giới. Nghĩa là căn của sáu nhập, sáu trần của mười hai xứ, thức của sáu thức, cả ba hòa hợp thành mười tám giới. Mười tám giới, mỗi giới đều có phạm vi riêng nên gọi là giới. Như mắt chỉ hay thấy mà chẳng hay nghe, đó là giới hạn của nhãn căn. Sắc trần chỉ từ mắt vào, chẳng thể từ tai vào, đó là giới hạn của sắc trần. Nhãn thức chỉ phân biệt sắc trần, chẳng thể phân biệt thanh trần v.v... Đó là giới hạn của nhãn thức. Bởi chúng sanh bị năm uẩn ngăn che, vọng hiện căn trần, thức tình phân biệt, nên tất cả danh tướng các pháp hữu vi thế gian, chỉ là tình và khi phan duyên tham ái chẳng thể lìa ra. Hoặc, nghiệp và chướng kết tụ nhau như chùm ác xoa, thiện ác thăng trầm, không lúc nào tạm dứt.

Nếu người tu hành nương tuệ Quán Tự Tại, soi thấy năm uẩn không thì sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới đều không. Thể chiếu soi rỡ ràng, linh minh rỗng suốt, soi chiếu viên dung, lại còn giới hạn nào để nói. Cho nên Kinh nói: "Một căn đã về nguồn, sáu căn thành giải thoát". Thế nên Trong không, sáu thức của mười tám giới cũng không. Người tu hành đến đây chứng được lý nhân không, lìa cái thấy thố chấp ngã của phàm phu.

Từ đây trở lên là không pháp thế gian. Từ đây trở xuống là Trong không cũng không pháp xuất thế gian.

VÔ VÔ MINH, DIỆC VÔ VÔ MINH TẬN, NÃI CHÍ VÔ LÃO TỬ, DIỆC VÔ LÃO TỬ TẬN

Không vô minh, cũng không hết vô minh, cho đến không già chết, cũng không hết già chết.

-Đây tiếp theo trên nói: Trong không chẳng những không pháp thế gian, mà pháp xuất thế gian của ba thừa Thánh nhơn cũng không. Nay đoạn nầy nói không mười hai nhân duyên, là pháp sở quán của Duyên giác.

Vô minh là phàm phu tăm tối, chẳng biết, chẳng hay, chẳng rõ đệ nhứt nghĩa đế, nên gọi là vô minh. Chẳng ngộ tự tánh gọi là vô minh, bị năm uẩn ngăn che gọi là vô minh, tham sân si phiền não chướng nặng gọi là vô minh, đắm trước sáu trần năm dục thế gian gọi là vô minh. Các thứ vô minh nói chẳng hết được.

Tất cả chúng sanh từ nhiều kiếp đến nay ngụp lặn trong cảnh giới vô minh, mà chẳng tự biết là vô minh. Ở trong vô minh, vọng sanh thấy biết lầm cho là hữu minh, tự dùng kiến giải thông minh thế gian cho là minh, mà hoàn toàn chẳng biết trọn là vô minh. Như người trong mộng, có các sự thấy biết, mà chẳng biết là cảnh giới chiêm bao. Cũng như cá trong biển, chẳng hay mình mặn. Tất cả chúng sanh, ở trong vô minh, đi đứng ngồi nằm, sinh hoạt ăn uống, thấy biết làm việc, thảy đều ở trong cảnh giới vô minh, mà chẳng tự biết. Cho đến tuy được xuất gia học đạo, nếu chẳng tự ngộ bản tánh, dầu cho thuộc làu mười hai bộ kinh, kiến giải thông minh, cũng chỉ là cảnh mộng trong vô minh. Có nói diệu nói huyền gì, trọn là trong mộng nói chuyện mộng, có thấy biết làm việc gì cũng trọn là sự nghiệp trong mộng mà chẳng tự biết. Lạ thay! Đáng thương!

Nhưng vô minh có nhiều thứ, khó trình bày cho hết được. Vả lại, người sơ tâm học đạo làm sao liễu biệt được cội gốc vô minh.

Dốt!

Kinh đã nói rõ "Từ gốc vô trụ, lập tất cả pháp". Bởi chân như chẳng giữ tự tánh, một niệm tối sơ bất giác vọng động, bèn là vô minh.

Luận về biển giác nguồn tâm, vốn là chân như, tánh vốn tròn sáng, khắp giáp pháp giới. Chẳng nhân ngộ mới có, chẳng từ tu mà được. Chỉ nhân vọng niệm bất giác, bèn vào vô minh. Nên Kinh nói: Tri kiến lập tri tức gốc vô minh". Lại nói: "Mê lý cưỡng giác, gọi là vô minh". Lại Kinh nói: "Khởi tâm động niệm, không gì chẳng phải là nghiệp". Tổ sư dạy: "Dấy tâm thành nghiệp, dấy tâm tức lầm, động niệm liền trái". Thế thì biết một niệm tâm động, bèn là vô minh.

Mười hai nhân duyên gồm bốn thánh đế, có hai môn lưu chuyển, hoàn diệt. Kinh Pháp Hoa nói: "Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái

duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, đó là mười hai nhân duyên, môn sanh tướng lưu chuyển. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt, đó là mười hai nhân duyên môn diệt tướng hoàn diệt". Tướng nhân duyên sanh là hai đế: khổ, tập của phàm phu thế gian. Nếu như tướng nhân duyên diệt là hai đế diệt và đạo của thánh nhân xuất thế gian.

Bậc thánh Nhị thừa Duyên giác quán mười hai nhân duyên, từ đầu là vô minh duyên hành, đến sanh duyên lão tử. Ba đời tuần hoàn, quả khổ chẳng dứt, chán cái khổ luân hồi trong ba cõi, dứt cái nhân khổ tập của ba cõi, hâm mộ vui tịch diệt, chứng tịch diệt mới thôi. Các ngài lấy quả tịch diệt làm chỗ về an ổn rốt ráo. Đắm trước định lặng lẽ, chẳng cầu tiến lên Bồ đề vô thượng. Không hay phấn phát tu tập đạo phẩm, trên hoằng Phật đạo, dưới hóa chúng sanh của tâm Bồ tát. Đó là chỗ chứng của Nhị thừa Duyên giác, tu quán mười hai nhân duyên. Bởi hàng Nhị thừa quán nhân duyên chứng tịch diệt, được tịch diệt bèn thôi, chẳng cầu tiến nữa. Vì thế các Ngài muốn đoạn vô minh, nhưng vẫn chưa hết vô minh. Do còn chấp vi tế về ngã kiến, mà chấp thô về pháp kiến cũng còn. Các ngài thấy ba cõi là thật có, sợ khổ của ba cõi, như con hươu chạy một mình, chẳng ngó lại đàn phía sau. Thế nên biết Nhị thừa cũng gọi là Độc giác. Hoặc nói: Ra đời nhằm lúc không Phật, gọi là Độc giác. Ra đời gặp Phật gọi là Duyên giác, cũng gọi là thừa thiên lệch. Do sự an lạc riêng mình chẳng cùng chúng sanh chung hưởng, nên gọi là thừa thiên lệch.

Nay nói không vô minh cũng không hết vô minh, là người tu hành nương tuệ Quán Tự Tại, soi thấy năm uẩn vốn không, linh quang riêng sáng, thể chiếu soi tròn đầy. Đây là căn trần thức đều không, trong ngoài rỗng lặng thì vô minh vọng niệm từ đâu mà có? Thế nên trong không không vô minh. Vô minh đã không, sao gọi là hết vô minh? Bởi có nhân duyên, quyết có quả báo, có quả báo hẳn có sanh diệt. Tuần hoàn ba đời, chẳng ngoài hai chữ nhân quả. Vả như không vô minh, từ đâu lập nhân? Đã không nhân vô minh, từ đâu có quả báo? Vô minh đã không nhân quả, thì bản nhiên rỗng lặng, sao gọi là không hết vô minh? Thế nên trong không, cũng không hết vô minh. Hết là dứt sạch vậy. Vì thật tướng Bát Nhã là chân không, vốn không vô minh, nên không sanh diệt.

Cho đến không già chết cũng không hết già chết, Cho đến là nêu lên trước sau để bao quát cả chặng giữa. Nghĩa là bắt đầu từ vô minh, bất giác làm duyên,

vọng niệm nổi lên, khởi hoặc tạo nghiệp gọi là hành. Đây là nhân duyên quá khứ, nghiệp hành duyên cảm, kéo lôi thức thần, gieo vào thai mẹ, thọ thân có danh sắc. Thân ở trong thai thành căn sáu nhập. Ra khỏi thai sáu căn tiếp xúc với sáu trần, lãnh thọ tất cả sự khổ vui, tốt xấu v.v... của thế gian, đây là thọ quả của hiện tại. Đối với sự thọ dụng hiện tại, yêu thích sáu trần, đắm nhiễm năm dục, chấp trước các cảnh. Tạo tác nghiệp nhân thiện ác hữu lậu, để kết thành quả hữu lậu ở đời vị lai, đây là nhân đã tạo trong hiện tại. nghiệp nhân hữu lậu, kết thành thân tâm năm uẩn, quả báo hữu lậu đời sau. Thân tâm đời sau, lại già rồi chết, bởi vậy sanh cùng với già chết, là quả báo đời sau. Như thế từ trên vô minh đến lão tử gồm cả nhân quả ba đời, lần lựa tuần hoàn luân hồi chẳng dứt. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì lão tử diệt.

Người tu hành nương tuệ Quán Tự Tại soi thấy uẩn, căn, trần, thức vốn không, thì vô minh cho đến già chết cũng không. Không, tức là Vô. Bởi vì có sanh

VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO

Không khổ, tập, diệt, đạo.

Đây tiếp văn trên. Trong không chẳng những không pháp mười hai nhân duyên của Nhị thừa Duyên Giác, mà cũng không pháp bốn Thánh đế của Tiểu thừa Thanh văn.

Khổ, ba cõi sáu đường thọ sanh có sanh thì có già, bịnh , chết, đó là bốn khổ. Lại còn có nỗi khổ yêu thương phải xa lìa, nỗi khổ gặp gỡ người mình oán ghét, nỗi khổ mong cầu chẳng toại ý, nỗi khổ năm ấm xí thạnh v.v... gồm có tám khổ. Ngoài ra các thứ khổ ở thế gian nói chẳng thể hết.lại có các thứ tội khổ bị thiêu nấu ở địa ngục. Loài súc sanh si ngoan, bị mang nặng đánh đập, để đền bồi nợ trước, cho đến nỗi khổ sớm sanh chiều chết. Ngạ quỷ chịu nỗi khổ đói khát bức ngặt, chẳng được uống ăn, lửa dữ đốt thân. Các thứ khổ não của tất cả chúng sanh khó nói hết được, đều gọi chung là khổ.

Tập, là nhân khổ hoặc nghiệp. Tập là từ vô thủy đến nay ở trong sanh tử vô lượng, bị vô minh che phủ, vọng tưởng làm mê lầm, buông lung thân, miệng, ý, phóng túng tham sân si, tạo nghiệp thiện ác hợp thành nhân thọ báo trong ba cõi sáu đường. Ở trong vô minh, tích chứa tụ tập. Như ong hút trăm hoa, tích chứa thành mật, thì nghiệp tập thiện ác, thành quả thọ báo trong ba cõi sáu đường, nên gọi là Tập.

Khổ và Tập nầy là nhân khổ quả khổ thế gian.

Diệt là dứt kiến hoặc, tư hoặc, lìa tham, sân, si, thì tập nhân khổ quả vĩnh viễn đoạn dứt không còn dư thừa, sanh tử liền dứt, chẳng còn thọ thân hậu hữu, gọi là Diệt đế.

Đạo, là ba mươi bảy phẩm trợ Bồ đề đạo pháp, gọi là Đạo đế.

Diệt và Đạo là nhân vui quả vui xuất thế gian.

Hàng Tiểu thừa biết khổ, dứt tập, hâm mộ tịch diệt, tu đạo, chứng quả vô sanh, gọi là chân A La Hán. Nếu bậc độn A La Hán chẳng hồi tâm thì chỉ biết khổ, dứt tập, mộ diệt, ở trong diệt rồi nghỉ, đắm trước cảnh tịnh, chẳng ưa Đại thừa, tự cầu Niết Bàn, nên chẳng tiến tu đạo phẩm, đây gọi là Tiểu thừa độn A La Hán. Bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo nầy, là pháp Tiểu thừa Thanh văn. Nhưng Kinh nầy nói không, nghĩa là người tu hành nương tuệ Quán Tự Tại, soi thấy năm uẩn không, thật tướng Bát Nhã chơn không xưa nay rỗng lặng. Vốn không các pháp năm uẩn, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới v.v... Như thế thì ba cõi sáu đường, tất cả danh tướng, đâu chẳng phải là vốn không. Nếu đã vốn không, thì không khổ đáng sợ, không tập nên dứt, không đạo phải tu, xưa nay vắng lặng lại chẳng còn hâm mộ diệt nữa. Do vì các pháp tướng không, nên Trong không đó không các pháp khổ tập diệt đạo hay tu hay chứng.

VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC

Không trí cũng không đắc.

Tông chỉ của Kinh xét kỹ là ở đoạn nầy.

Đây tiếp văn trên. Trong Không, chẳng những không pháp thế gian, mà cũng không pháp xuất thế gian của Nhị thừa, Tiểu thừa, Bồ tát thừa.

Trí, tức là trí Bát Nhã. Người tu hạnh Bồ tát dùng trí dẫn đường đi trước. Từ đó, trên cầu quả Phật, dưới hóa chúng sanh, thành tựu quốc độ.

Nhưng Bát Nhã có ba thứ:

1- Văn tự Bát Nhã.

2- Quán chiếu Bát Nhã.

3- Thật tướng Bát Nhã.

Nếu Bồ tát nghe lời Phật dạy, phát tâm Đại thừa, tin ưa thọ trì, biên chép đọc tụng, là Văn tự Bát Nhã.

Nếu nghe kinh liễu nghĩa, siêng năng tu hành sáu độ muôn hạnh, là Quán chiếu Bát Nhã.

Nếu thấy tánh rõ ràng, ngộ uẩn vốn không, chạm mắt gặp duyên, không gì chẳng phải thật tướng, là Thật tướng Bát Nhã.

Bởi vì phàm phu ngu si, bị vô minh che phủ, khởi hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp thọ báo. Nghiệp có thiện ác, báo có khổ vui. Ba cõi sáu đường, thăng trầm chìm nổi như vòng bánh xe quay. Kẻ không trí tự độ, không đạo để tự tu, nên Phật nói trí tuệ vì độ kẻ ngu si. Dứt hẳn nhân vô minh, đến được bờ Niết Bàn, là pháp có tu nhân chứng quả.

Kinh nầy nói: "Không trí cũng không đắc", nghĩa là người tu hành nương tuệ Quán Tự Tại Thật tướng Bát Nhã, soi thấy uẩn, căn, trần, thức vốn không. Quán thấy chúng sanh, tánh đồng chư Phật, xưa nay rỗng lặng, thế thì chúng sanh vốn không. Chúng sanh đã vốn không, thì nhứt chân bình đẳng. Dưới không chúng sanh, để độ, trên không quả Phật để cầu, rốt cuộc chỉ tâm tức Phật. Vậy thì Thật tướng Bát Nhã là trí tánh căn bản, chẳng phải do ngộ mà có, nên nói Không Trí. Tâm vốn là Phật, chẳng từ tu mà được, nên nói cũng không đắc. Nhưng trí không đắc là Đại thừa. Tối thượng thừa, lý cũng tột rốt ráo không tu không chứng, chỉ có người chân thật minh tâm kiến tánh mới có thể được. Vì thật tướng chân không thanh tịnh bản nhiên, nên nói: Trong không, không trí cũng không đắc. Người tu hành đến đây, chứng lý pháp không, lìa pháp chấp, kiến chấp vi tế của Bồ tát. Nên Kinh Kim Cang nói: "Nếu Bồ tát thông đạt không ngã, pháp, thì Như Lai nói đó là Bồ tát chân thật".

DĨ VÔ SỞ ĐẮC CỐ, BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA Y BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Do vì không chỗ được, nên Bồ tát nương Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Câu nầy đối chiếu câu trên Không trí cũng Không đắc, là tổng kết tông chỉ của toàn kinh. Người tu hành khi nương theo thật trí Bát Nhã Quán tự tại, soi thấy

năm uẩn, hai pháp sắc và tâm vốn không. Năm uẩn không thì thể chiếu soi độc lập, không tịch bản nhiên là Tướng không của các pháp. Tướng không của các pháp xưa nay trong sạch tức là tướng thật Bát Nhã thanh tịnh chân không. Ở trong tướng thật chân không, xưa nay vắng lặng, thì các pháp sanh diệt, nhơ sạch, tăng giảm đều chẳng thể được. Thế nên Trong không, không pháp thế gian, nghĩa là không các pháp phàm phu sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, v.v... Trong Không đã không pháp thế gian, thì có gì để che phủ, gì là khổ vui, lo sợ, gì là cầu pháp xuất ly thế gian. Do đó Trong Không, không pháp quán mười hai nhân duyên của Duyên giác, không pháp bốn Thánh đế của Thanh văn, không pháp sáu độ muôn hạnh, thượng cầu hạ hóa của Bồ tát. Thế nên Trong Không xưa nay trong sạch vắng lặng, vốn không thấy phàm thánh, thiện ác, tịnh uế sai biệt.

Phàm là pháp có tu chứng đắc thất, đều là việc trong mộng, trong mộng mà được mất thì chẳng phải chân, tu chứng cũng là việc huyễn nên Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tịnh tột sáng thông đạt, tịch chiếu trùm hư không, trở lại quán thế gian, giống như việc trong mộng". Nên biết pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian, ở trong pháp nhất chân bình đẳng xưa nay rỗng lặng, đều không thật có, rốt ráo chỉ có tâm là Phật, không sở đắc khác, rốt ráo không đắc mới là chân đắc. Như lúc tỉnh mộng tuy không được gì, mà được tỉnh giác lìa các việc hư vọng chướng ngại khủng bố điên đảo, các vọng tưởng thấy biết trong mộng. Thấy biết trong mộng khiến lòng chẳng an, tỉnh giấc vốn không, lòng được an ổn vui vẻ, nên đoạn dưới nói rốt ráo Niết Bàn. Niết Bàn tức là tâm không sanh diệt tốt ráo vắng lặng tự tại an vui. Thế nên những người tu hành nương kinh nầy chóng ngộ duy tâm tức Phật, không sở đắc khác. Vì không sở đắc, mới thật chứng đắc. Thế nên chỉ nương tự tâm quán hạnh, chẳng hướng bên ngoài tìm. Chẳng tìm bên ngoài thì tâm không chạy cầu, không hy vọng chứng đắc. Đã không chạy cầu, không hy vọng chứng đắc thì tâm được tự tại. Cổ đức nói: "Chẳng cần cầu Phật, chỉ cần dứt tâm". Tâm nầy dứt được một phần tức là học được một phần Bát Nhã, cho nên Bồ tát phải nương Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Người tu hành đến đây, chứng lý không không, lìa được ngoan không đoạn diệt, tà kiến ngoại đạo.

CỐ TÂM VÔ QUÁI NGẠI

Nên tâm không ngăn ngại.

Từ đoạn nầy đến câu cứu cánh Niết Bàn là hiển bày người nương tuệ Quán tự tại hành sâu Bát Nhã, ngay khi soi thấy năm uẩn vốn không, thì căn, trần, thức tâm xưa nay vắng lặng, cho đến vốn không pháp thế và xuất thế. Chỉ cần nương tâm tu hành, tâm được tự tại, rõ ràng không đắc mới là chân đắc. Chứng ngộ duy tâm tức Phật, ngoài không chạy tìm, chẳng nhọc cất bước, mà đến được quả tột bờ kia. Do đó sự hiện hữu của ba cõi bốn loài sanh sáu đường, đều như cảnh mộng, cho nên Tâm không ngăn ngại. Chẳng sợ phát tâm Bồ đề, lại vào trong sanh tử, qua lại chốn nhơn thiên hóa độ các chúng sanh, nên nói Không sợ hãi. Chẳng bị phiền não cảnh mộng làm mê lầm, nên gọi xa lìa, rốt ráo nguyên không sanh diệt gọi là Niết Bàn. Đó là căn cứ câu Vượt qua tất cả khổ ách trên.

Nay nói Nên Tâm Không Ngăn Ngại, nghĩa là người tu hành nương tâm tu hành, ngộ không chỗ được, thì tâm thể viên dung, bản nguyên thanh tịnh, chẳng thấy có cảnh tướng chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Cảnh tướng chúng sanh còn không, huống là có vô minh, nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng để ngăn ngại, vì thế nói Nên Tâm Không Ngăn Ngại.

VÔ QUÁI NGẠI CỐ, VÔ HỮU KHỦNG BỐ

Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi.

Do vì có chấp vô tướng, nên tâm sanh ngăn ngại sợ hãi.

Nói Sợ hãi, phàm phu chấp có sắc thân, tham sống sợ chết, e mình thọ mạng chẳng lâu dài, nỗi khổ già chết gần kề nên thường ôm lòng sợ hãi.

Hàng Tiểu thừa thì thấy khổ sanh già bệnh chết trong ba cõi sáu đường, chán khổ sanh tử, ưa vui Niết Bàn. Do vì có ưa chán, nghĩ đến Thành quả khó viên thành, gốc khổ khó nhổ sạch, nên thường ôm lòng sợ hãi. Hàng Nhị thừa thì quán duyên khởi, ba đời tuần hoàn trong vòng sanh tử khổ não, thăng trầm chẳng dứt, nên chán chỗ ồn náo cầu nơi vắng lặng. Nhân gió cảnh đến chạm, tức thì phiền não khó dứt. Biển thức sóng dồi, hẳn rằng giác tâm khó lặng. Do vì khó được, nên thường ôm lòng sợ hãi.

Hàng Bồ tát sơ phát tâm thì trên hoằng Phật đạo, dưới cứu chúng sanh, tuy cầu Phật tuệ, còn chưa minh bạch, đầy mắt chúng sanh, khó mà độ hết. Chúng sanh chưa độ, đâu được thành Phật. Bởi chấp có chúng sanh để độ, có Phật quả đáng cầu, dù có gắng gổ hành sáu độ, siêng năng tu muôn hạnh, nhưng mỗi khi

nghĩ đến chúng sanh nghiệp ác khó độ, Phật đạo dài lâu khó thành, bởi hai việc khó nầy, nên thường ôm lòng sợ hãi.

Nương Bồ tát Quán tự tại, hành sâu Bát Nhã, soi thấy năm uẩn tất cả pháp, xưa nay rỗng lặng. Trong thể rỗng lặng chẳng thấy có pháp thế gian, cũng chẳng thấy có pháp xuất thế gian. Dưới chẳng thấy có chúng sanh đáng độ, trên chẳng thấy có Phật quả có thể thành, không có sanh tử đáng sợ, cũng không có Niết Bàn đáng cầu. Một niệm vô vi, mười phương trong sạch, điều hay ngăn ngại trở thành rỗng rang không ngại. Thế nên trong không, không ngăn ngại, nên không sợ hãi.

VIỄN LY ĐIÊN ĐẢO MỘNG TƯỞNG, CỨU CÁNH NIẾT BÀN

Xa lìa mộng tưởng điên đảo, cứu cánh Niết Bàn.

Sao gọi là Xa Lìa? Nghĩa là chẳng bị điên đảo mộng tưởng làm mê lầm, nên gọi là Xa Lìa.

Sao gọi là Điên Đảo? Nghĩa là tất cả chúng sanh trong thế gian, biết lầm thấy lầm, mê chân theo vọng, trái giác hợp trần, nhận thức quên căn, lấy đầu làm đuôi, quên mình làm vật, bỏ mình theo vật, đều gọi là Điên Đảo. Nếu hay xoay lại gốc mê, hồi quang phản chiếu, thì tâm không ngăn ngại không sợ hãi, đó gọi là Xa Lìa.

Nay nói chúng sanh điên đảo, biết lầm thấy lầm, nghĩa là vọng tưởng của ba cõi, sáu đường, bốn đại, năm uẩn, căn trần thức vốn không. Chân tâm viên trạm, tịch chiếu vô biên, đó là chân tánh bản nhiên. Chúng sanh chẳng thấy tự tánh, sót mất chân tâm, quên chân theo vọng, chẳng biết chỉ do tâm hiện, cho rằng thật có ba cõi, sáu đường tất cả danh tướng, theo đuổi phan duyên, nên gọi là Điên Đảo.

Sao gọi là Mộng Tưởng? Mộng là ý thức, tạo ra trong lúc ngủ say thấy các cảnh giới, gọi là Mộng. Tưởng là thầm nghĩ đến hình tượng nào đó và thấy được hình ảnh của nó, gọi là Tưởng nhân tưởng thành mộng, duyên mộng thành tưởng. Việc thấy ban ngày, duyên nơi tâm tưởng, nên ngày thì là tưởng, đêm thì là mộng, nên gọi là Mộng Tưởng. Song chúng sanh ở thế gian, thấy tất cả danh tướng trong ba cõi sáu đường, chẳng biết là hư phù huyễn vọng, tưởng là thật có. Như người trong khi mộng thấy các cảnh mộng, tưởng là thật có, tự chẳng biết là do mộng tạo ra. Như tất cả chúng sanh thấy ba cõi chẳng biết là do tâm mê tạo, do vọng tưởng hiện. Phàm tất cả danh tướng được thấy nghe đều là cảnh giới của vọng tưởng,

như cảnh hiện ra trong mộng, vốn chẳng phải thật có mà do mộng tưởng làm ra. Nên gọi là Mộng Tưởng.

Sao gọi là Cứu Cánh Niết Bàn? Cứu là cùng tột căn nguyên sanh diệt. Cánh là sanh diệt diệt rồi. Niết Bàn là tịch diệt làm vui.

Cho nên Kinh Niết Bàn nói: "Các hành vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui".

Theo Kinh nầy thì người tu hành nương tuệ Quán tự tại, soi thấy xưa nay rỗng lặng. Như lúc tỉnh mộng, thì sự vật trong mộng rõ chẳng thể được, đã biết đều là cảnh giới điên đảo mộng tưởng, thì chẳng còn đuổi theo phan duyên, gọi đó là Xa Lìa. Thế nên, trong Không, chân thường tịch diệt, tức là Cứu Cánh Niết Bàn.

Tam Thế Chư Phật, Y Bát Nhã Ba La Mật Đa, Cố Đắc Aù Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề

Chư Phật trong ba đời, cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đầu Kinh từ câu Quán Tự Tại, đến câu vượt tất cả khổ ách là dạy người tu hành nương Bồ tát Quán Tự Tại căn cứ vào tâm mà tu hành, thâm nhập thực tướng, soi thấy uẩn không, vượt hết khổ ách. Nhân địa quả hải đã đến, đã chứng, đã thành, đó là bực Bồ tát tín giải hạnh chứng, đã tròn đầy. Người tu hành từ tín vị mà vào và làm pháp môn tín giải hạnh chứng cho chính mình.

Từ câu Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc v.v... đến câu Không trí cũng không đắc đây nhằm nói rõ tin hiểu nguồn tâm vốn rỗng lặng, không nhọc nắm bắt, quán hạnh tự tại, chẳng quan hệ đến suy lường. Soi thấy năm uẩn đều không, thì sáu căn, sáu trần, sáu thức là tất cả pháp thế gian và khí thế gian của chúng sanh hữu tình; mười hai nhân duyên, bốn Thánh đế, sáu độ muôn hạnh, bốn quả Nhị thừa, thập địa Bồ tát, là tất cả pháp xuất thế gian của chánh giác thế gian, cũng quy về rỗng lặng.Đây chỉ thấy năm uẩn không, thì hai thứ pháp thế gian và xuất thế gian liền không. Hiển nhiên thấy ngay xưa nay trong sạch, tức Phật tức tâm, lại không pháp khác, đó là tín giải hạnh chứng đều viên mãn.

Từ câu Do Không Chỗ Được đến Cứu Cánh Niết Bàn là kết quy cứu cánh triệt để của tất cả Bồ tát tín giải hạnh chứng. Mọi sự ngăn ngại sợ hãi, điên đảo mộng tưởng, đều vượt qua hết, nên nói Cứu Cánh Niết Bàn.

Nay nói, Chư Phật trong ba đời nương Bát Nhã v.v... nghĩa là chẳng những tất cả Bồ tát y vào tâm tu hành, được cứu cánh Niết Bàn, mà tất cả Phật đời quá khứ, tất cả Phật đời hiện tại, tất cả Phật đời vị lai cũng y vào tín giải hạnh chứng nầy nên được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tiếng Phạn A đây dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu đây dịch là Đẳng, Tam Bồ đề dịch là Chánh Giác. Gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Vô thượng Chánh Chân, tức là cực quả thành Phật của chư Phật, cũng tức là đoạn trên nói quả Cứu cánh Niết Bàn. Thế nên người tu hành muốn mau thành đạo Vô thượng Chánh Chân, phải nương đạo của chư Phật, Bồ tát đã thực hành.

Cố Tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, Thị Đại Thần Chú, Thị Đại Minh Chú, Thị Vô Thượng Chú, Thị Vô Đẳng Đẳng Chú, Năng Trừ Nhứt Thiết Khổ Chân Thật Bất Hư

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được tất cả khổ, chân thật chẳng dối.

Nên biết là lời tán dương Tâm Kinh hết sức tha thiết, để hiển thị phó chúc lưu thông. Tất cả chúng sanh nương đây tu hành, tất cả sở nguyện, sở cầu đều linh nghiệm và được lợi ích, nên nói Nên Biết Bát Nhã BA La Mật Đa v.v...

Bát Nhã Ba La Mật Đa tức là tâm chân như. Tâm nầy tức là chú nầy lại không còn chú nào khác, nên nói là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú.

Chú là Nguyện cầu. Tâm nguyện chúng sanh có hai:

Một là Nguyện cầu không khổ, thì hiển thị tâm chú hay trừ được tất cả khổ.

Hai là nguyện cầu an vui, thì hiển thị tâm chú chân thật chẳng dối.

Người tu hành nương tuệ Quán tự tại, khi soi thấy năm uẩn đều không thì ngay niệm ấy vô minh liền phá, phiền não dứt hẳn, đó là Đại thần chú.

Chỉ quán không tịch viên diệu lặng lẽ, chẳng thấy bị bốn đại, năm uẩn, ba cõi, sáu đường, tất cả danh tướng ngăn che, đó là Đại Minh Chú.

Tất cả phàm phu ngoại đạo Nhị thừa và các Thiên Long quỉ thần, thiên ma yêu mị, chẳng hay phá hoại, mà lại hay phá hoại tất cả hữu vi, hữu tướng, thảy đều tiêu diệt. Dù những vị ấy có chú nguyện đều chẳng thể dính dáng. Trái lại còn khiến các vị ấy hồi tâm chuyển về Phật đạo được lợi ích và hoan hỷ ủng hộ, đó là Vô Thượng Chú.

Bát Nhã hay khiến người tu hành mau thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, diệu quả an lạc cứu cánh Niết Bàn, đó là Vô Đẳng Đẳng Chú.

Nương tâm chú nầy đủ công năng của bốn đức linh diệu, nên kết chứng. Hay trừ tất cả khổ, chân thật chẳng dối.

CỐ THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ

Nên nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Vì tâm chú nầy công năng thần diệu, hiệu nghiệm khó lường, hay trừ tất cả khổ, chân thật chẳng dối. Thế nên nói, chính ngay tâm nầy là chú, chính chú nầy là tâm. Tâm chú chẳng hai, phải nên dốc lòng tin, vui vẻ thọ trì mới chẳng cô phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng mờ tối, tánh linh của mình nên nói mật ngữ tâm chú khiến cho mình tự khế hội được với diệu pháp chẳng thể nghĩ bàn.

TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT

Liền nói chú rằng

Một chữ liền là lời thiết yếu, chỉ cho tự tâm của đương nhân. Mở miệng, ngậm miệng, tất cả diệu dụng đều từ đây mà ra, nên nói Liền Nói Chú Rằng.

yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha

Yết đế, yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha

Kinh tức là hiển chú, đây tức là mật chú. Hiển mật chỉ là Tâm. Đã nói là mật chẳng cho giải thích, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu giải sanh thì chú mất, còn suy nghĩ thì loạn sanh, nên chẳng cần gượng giải. Chỉ vững tin và hành trì thì sẽ được bốn đức như trên đã trình bày, công năng thần diệu chẳng thể so lường.

Minh Chánh tôi trực giải tâm kinh, chỉ thẹn mình dùng trí hạn hẹp để giải thích; còn kiến giải rộng lớn lượng đồng hư không kia, thẹn mình chẳng được. Nếu độc giả muốn biết rộng, nên xem thêm các bản chú thích của Cổ Đức.

Khen rằng:

Bát Nhã tâm kinh tối thượng cơ,

Y Quán tự tại nãi linh tri,

Hành thâm chiếu kiến không vô vật,

Độ khổ siêu phàm chánh thị thi.

Quái ngại đốn tiêu vô khủng bố,

Viễn ly điên đảo khế vô vi,

Niết Bàn chân thật phi tha thuyết,

Chú tức đương tâm bất khả tư.

Tâm kinh Bát Nhã tối thượng cơ,

Y Quán tự tại thực linh tri.

Hành sâu soi thấy không, vô vật,

Vượt khổ hơn phàm chẳng còn nghi.

Ngăn ngại liền tiêu không sợ hãi,

Xa lìa điên đảo hợp vô vi.

Niết Bàn chân thực chẳng gì khác,

Chú tức tâm nầy chẳng thể suy.

PHẦN THỨ HAI
KỆ TỤNG

I- Mười Tắc Cương Lãnh (Phụ tụng Tâm kinh)

1. Đề mục kinh.

2. Tựa kinh: Chánh nhân.

3. Tổng tựa: Hạnh môn.

4. Đối diện khai thị.

5. Chỉ ngộ thật tướng

6. Quét sạch hai chấp

7. Ngộ vô sở đắc

8. Chứng nhập tịch diệt

9. Tu chứng đồng Phật

10. Đủ bốn nguyện rộng

Tắc I- Đề Mục Kinh

(Kinh hiển bày khai thị ngộ nhập bất tư nghì đệ nhứt nghĩa).

Ma ha Bát nhã ba la mật đa tâm kinh

Ma ha bát nhã ba la mật,

Thường tịch linh quang mặc khế thì.

Bốn nhứt tinh minh di lục hợp,

Tự gia lãnh noãn tự gia trị.

Ma ha bát nhã ba la mật,

Thầm khế tánh linh tịch chiếu nầy,

Vốn một tinh minh đầy sáu hợp,

Tự mình lạnh nóng tự mình hay.

Tụng chung:

Triển quyển đương sơ bát tự khai,

Quang hàm vạn tượng quách vô nhai.

Nhị hình không sắc phi nguyên di,

Ngũ uẩn thân tâm thị bản lai.

Vô tướng na dung sai biệt kiến,

Không trung hà xứ nhạ trần ai.

Chân như bình đẳng nguyên đồng Phật,

Nhậm vận tùy cầu lạc mãn hoài.

Mở quyển ban đầu chữ Bát khai,

Sáng trùm muôn tượng rộng vô nhai,

Sắc không hai thứ, nguyên không khác,

Năm uẩn thân tâm ấy bản lai.

Vô tướng nào dung sai biệt kiến,

Trong không đâu chỗ dính trần ai.

Chân như bình đẳng nguyên đồng Phật,

Thỏa nguyện mặc tình vui mãn hoài.

Tắc 2: tựa kinh: Chánh Nhân

Khi Bồ tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã ba la mật đa.

Linh quang trạm tịch chánh vô vi,

Pháp giới viên dung độc liễu tri.

Vạn loại tượng hình do chỉ xuất,

Nhứt chân tri kiến diệu nan suy,

Thừa tư bảo phiệt năng chân tế,

Thái đắc châu vương đại tổng trì.

Vô lượng pháp môn trung tối thắng,

Tâm quán tự tại bất tư nghì.

Linh quang lặng lẽ đúng vô vi,

Pháp giới viên dung thảy liễu tri.

Tượng hình muôn loại do đây chỉ,

Tri kiến nhứt chân nhiệm khó suy.

Bè báu nương nhờ hay cứu giúp,

Châu vương nhặt được đại tổng trì.

Trong các pháp môn là hơn hết,

Tâm Quán tự tại bất tư nghì.

Tắc 3: tổng tựa: Hạnh Môn

Khi ấy soi thấy năm uẩn đều không liền qua tất cả khổ ách.

Mi tế thần quang trực phóng thì,

Chiếu trung tương kiến hiện tiền ky.

Ngũ ấm giả hữu nguyên phi thật,

Nhứt niệm vô sanh tố bất si.

Liễu liễu bản lai vô nhứt vật,

Như như diệu trạm việt tam kỳ.

Thời thời bất muội viên minh tướng,

Khổ ách không trung tổng bất tri.

Lúc phóng hào quang giữa chặng mày,

Chiếu soi thấy rõ được tiền cơ.

Giả hư năm ấm nguyên không thật,

Một niệm vô sanh vốn chẳng ngờ,

Liễu liễu bản lai không một vật,

Như như diệu trạm vượt ba kỳ.

Giờ giờ chẳng muội gương tròn sáng,

Khổ ách trong không chẳng ngại chi.

Tắc 4: Đối Diện Khai Thị

Nầy Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ tưởng hành thức cũng lại như thế.

Hiện tiền tri giác tự đương quan,

Không sắc song chương chiếu nhứt ban.

Bất dị cảnh đài hư ảnh tướng,

Tức tòng không tánh huyễn dung nhan.

Như lai tạng hải chân phi hữu,

Diệu giác linh nguyên vọng bất can.

Tứ đại sắc thân du thị giả,

Lục trần duyên ảnh khởi phi man.

Tri giác hiện tiền, phải quán ngay,

Sắc không hai thứ thảy toàn bày.

Khác gì gương sáng soi hình rỗng,

Hẳn tự tánh không, tướng huyễn bày.

Biển tạng Như Lai, chân chẳng thực,

Nguồn linh Diệu Giác vọng chi hay.

Sắc thân bốn đại là hư giả,

Bóng dáng sáu trần dối trá thay!

Tắc 5: Chỉ Ngộ Thật Tướng

Này Xá Lợi Tử! Tướng không của các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm.

Tri giác viên minh diệu giác thông,

Thị chư uẩn pháp tướng giai không.

Khứ lai sanh diệt ly ngôn tích,

Tăng giảm thanh ô mạc vấn tung.

Tịch diệt tánh trung phi huyễn ế,

Chân như thật tế tuyệt la lung,

Bảo minh không hải phi ba lãng,

Trạm trạm quang hàm mị bất sung.

Tri giác sáng tròn diệu giác thông,

Aáy là pháp uẩn tướng đều không.

Đến đi, sanh diệt lìa ngôn tích,

Tăng giảm, sạch nhơ chớ hỏi tung.

Tịch diệt tánh linh đâu huyễn bịnh,

Chân như thật tế há lồng khung.

Bảo minh không hải, chi là sóng,

Lặng lẽ sáng ngời thảy thảy không.

Tắc 6: Quét Sạch Hai Chấp

Thế nên trong tướng không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không hết vô minh, cho đến không già chết cũng không hết già chết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

Nhứt thiết câu không thị cố không,

Uẩn căn trần thức thể y trung.

Kết căn nhập xứ hư lao tướng,

Thức giới duyên tâm giả hữu dung.

Hư giả nguyên phi hôn ám diệt,

Chân không bản thị tịch thường dung.

Duyên đế trí đắc tiêu mê chấp,

Ngã chấp du vô pháp diệc vong.

Tất cả đều không, thế nên không,

Uẩn, căn, trần, thức, thể nương trong.

Kết căn, nhập xứ thân huyễn nhọc,

Thức giới toàn duyên hư giả lồng.

Hư giả nguyên không, tăm tối bặt,

Chân không lặng lẽ tánh gồm trong.

Duyên, đế, trí, đắc tiêu mê chấp,

Ngã chấp không còn, pháp cũng không.

Tắc 7: Ngộ Vô Sở Đắc

Do vì không chỗ được nên Bồ tát nương theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi.

Mộng cảnh mê hoang vi trọng miên,

Thất tình ngũ dục uổng phan duyên.

Ngã nhơn năng sở đồ tranh thắng,

Đắc thất vinh khô khống tự triền.

Túng nhĩ tảo tri mê huyễn vọng,

Miễn giao trì giác túy liên miên.

Hứa đa ưu hỷ tâm kham tiếu,

Đản giác chân không tánh bản nhiên.

Ngủ say trong giấc mộng triền miên,

Năm dục, bảy tình, trói buộc duyên.

Hơn thua tranh chấp trò nhân ngã,

Được mất, thạnh suy, hệ lụy phiền,

Ví thử biết rằng mê huyễn vọng,

Khỏi lo giác chậm lắm oan khiên.

Trước những buồn vui, lòng khoan khoái,

Chân không, giác được, tánh như nhiên.

Tắc 8: Chứng Nhập Tịch Diệt

Xa lìa tất cả điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn

Y Quán Tự Tại diệu hành thâm,

Tự giác thường quang Bát Nhã tâm.

Thời chiếu kiến trung hư huyễn sắc,

Liễu tri không lý vọng u âm.

Do tư đốn phá vô minh võng,

Tức tiện tàn thiêu ác kiến lâm.

Cứu cánh bản lai chân tịch diệt,

Đà đà tánh bảo bất lao tầm.

Y quán Tự Tại khéo hành thâm,

Tự giác thường soi Bát Nhã tâm.

Chiếu thấu sắc trần đều huyễn vọng,

Tỏ soi không tánh tự tối tăm.

Ngay đây đốt sạch rừng ác kiến,

Nhân đó đập tan lưới mê lầm.

Rốt ráo xưa nay, thuần lặng lẽ,

Rõ ràng tánh báu chẳng cần tầm

Tắc 9: Tu Chứng Đồng Phật

Ba đời chư Phật nương Bát Nhã Ba La Mật Đa nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mục đề Bát Nhã tức tâm kinh,

Viên trạm chân Quán Tự Tại linh.

Thâm chiếu ngũ ấm nguyên bất thật,

Đốn tri chư pháp bản vô sanh.

Dĩ vô sở đắc vi chân đắc,

Ngộ tánh viên thành thật hiện thành.

Bất đản nhân nhân hành thử đạo,

Như Lai chánh giác cộng tư minh.

Nhan đề Bát Nhã tức tâm kinh,

Trạm viên là Quán Tự Tại linh.

Năm ấm chiếu soi nguyên chẳng thật,

Pháp nào cũng biết vốn không sanh.

Lấy không chứng đắc làm chân đắc,

Ngộ tánh viên thành thật hiện thành.

Chẳng những mọi người tu pháp ấy,

Như Lai chánh giác tự đây sanh.

Tắc 10: Đủ Bốn Nguyện Rộng

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú hay trừ được tất cả khổ, chân thật chẳng dối, nên nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Cố tri Bát Nhã đại thần minh,

Vô thượng nhi vô đẳng đẳng linh.

Toái phá ấm ma trừ khổ ách,

Tịch quang chân thật bất hư kinh,

Chúng sanh phiền não tri như huyễn,

Pháp tánh Bồ đề bản tự thành.

Tứ chú duy tâm thường hướng giác,

Kiết già phu tọa Niết Bàn thành.

Biết rằng Bát Nhã đại thần minh,

Vô thượng và vô đẳng đẳng linh.

Đập nát ấm ma trừ khổ ách,

Lặng soi chân thật hết điệu linh.

Chúng sanh phiền não là như huyễn,

Pháp tánh Bồ đề vốn tự thành.

Bốn chú chỉ tâm, thường giác ngộ,

Tréo chân ngồi tại Niết Bàn thành.

Kinh, hiển bày khai thị ngộ nhập bất tư nghì đệ nhứt nghĩa, phân khoa thuyết minh trong mười tắc đã xong.

Chú, hiển mật tổng trì bất tư nghì đệ nhứt nghĩa sau rốt thâm nhập thật tướng, cũng gọi là một tâm chẳng sanh, muôn pháp đều dứt.

Liền nói chú rằng: yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.

Phần hiển là kinh trình bày về công đức của bốn chú; phần mật là tổng trì sự linh diệu của bốn chú. Hai chữ Yết Đế đầu là Đại thần chú. Hai chữ Yết Đế kế là Đại minh chú. Ba La Yết Đế là Vô thượng chú. Ba La Tăng Yết Đế là Vô đẳng đẳng chú. Bồ Đề Tát Bà Ha là năng trừ nhứt thiết khổ chân thật bất hư.

Bất tư nghì, bất tư nghì,

Kinh chú không tâm bất lập tri.

Yết đế đại thần khu ác chướng,

Đại minh yết đế phá ngu si.

Ba la yết đế tôn vô thượng,

Vô đẳng ba la tăng yết đế.

Khổ ách đoạn trừ bằng thật ngữ,

Bồ đề viên mãn chánh y thì.

Đốt!

Nhân không pháp diệc không,

Vạn pháp bàn nguyên đồng,

Nhứt thiết duy tâm tạo,

Phi sắc diệt phi không.

Thực chẳng nghĩ bàn, chẳng nghĩ bàn,

Kinh chú lòng không chẳng lập tri.

Yết đế đại thần xua ác chướng,

Đại minh yết đế phá ngu si.

Ba la yết đế tôn vô thượng,

Vô đẳng ba la tăng yết đế.

Khổ ách dứt trừ nhờ thật ngữ,

Bồ đề tròn đủ phải tu trì.

Dốt!

Nhân không, pháp cũng không,

Muôn pháp, gốc nguồn đồng,

Hết thảy do tâm tạo,

Chẳng sắc cũng chẳng không.

II- Bốn Phần Tín Giải Hạnh Chứng

Pháp môn vô lượng từ xưa đến nay chẳng ngoài bốn phần: Tín, Giải, Hạnh, Chứng.

Tín: Nương tín sanh giải: Tin người, tin pháp, tin tâm ta.

Giải: Nương giải khởi hạnh: Có lòng tin chân cháønh rồi mới có thể hiểu được sâu xa.

Hạnh: Hạnh khởi giải bặt: Giải rồi khởi hạnh lìa ức tưởng.

Chứng: Hạnh thành được chứng: Hạnh thành đắc quả như hạt cải trên đầu kim.

Tựa Tâm Kinh

Trình bày sơ lược về Tín Giải Hạnh Chứng là nói chung về tín giải hạnh chứng của Bồ tát đã thành tựu làm chứng nghiệm. Và tín giải hạnh chứng của toàn kinh sau đây sẽ tuần tự nêu ra để giải thích.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT là tin người ấy và tin tự mình chân như diệu tâm bản lai bình đẳng.

HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA là tín giải phương pháp quán tâm là pháp của Đại thừa Bồ tát tu chứng.

THỜI CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG là đã tín giải, nhiếp giải thành hạnh, hạnh giải tương ưng, thấy năm uẩn không, hết thảy pháp giới hư không giới: vốn là nhứt tâm, không có vật nào ở ngoài.

ĐỘ NHỨT THIẾT KHỔ ÁCH là hạnh thành được chứng. Bởi vì năm uẩn không thì Pháp thân thanh tịnh đồng hư không giới, ắt khổ ách cũng không. Ví như có người ngủ chiêm bao sợ hãi, muốn khỏi sợ hãi, trước trừ ngủ mê. Không ngủ không mộng thì sự sợ hãi cũng không.

KHAI BÁT NHÃ TÂM KINH

Ma ha bát nhã thậm hà kỳ,

Mục biểu tâm kinh bất khả tư.

Quán Tự Tại tiền minh trí giác,

Thời chiếu kiến xứ phá ngu si.

Sắc không ngũ uẩn tri hư giả,

Phàm thánh song vong liễu hữu vi.

Độ khổ ly trần bằng tứ chú,

Tự tha kiêm lợi tối thần cơ.

Ma ha Bát Nhã lạ kỳ thay,

Đồ mục Tâm kinh chẳng thể suy.

Trí giác mở đầu Quán Tự Tại,

Chiếu soi chỗ thấy, phá ngu si.

Sắc không năm uẩn toàn hư giả,

Phàm thánh đều quên thoát hữu vi.

Vượt khổ lìa trần nhờ bốn chú,

Mình người đều lợi quả thần kỳ.

Qui Kính Đại Bồ Tát Quán Tự Tại.

III- Hai Mươi Thiên Kệ Hậu Bạt

Sa môn Thanh Đàm Tỳ kheo Minh Chánh

soạn thuật và giải thích kệ.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Giải thích: Xem đề mục kinh ngộ pháp thật sâu, chóng nhập Đại thừa chẳng đồng với giáo pháp Tiểu thừa.

Bát Nhã phiên xưng trí tuệ tâm,

Siêu sanh tử hải đạt thiền lâm.

Bất đản hành nhân tu chứng lộ,

Như lai Bồ tát cộng do lâm.

Bát Nhã dịch là trí tuệ tâm,

Vượt qua sanh tử đến thiền lâm.

Chẳng những người tu đường đó chứng,

Như lai Bồ tát cũng đồng lâm.

Kinh diễn bày hai giáo hiển và mật. Chia ra làm bốn phần Tín, Giải, Hạnh, Chứng. Nghĩa thì diễn ba không (nhân không, pháp không, không không), bốn đức (đại thần, đại minh, vô thượng, vô đẳng đẳng). Lý thì hợp nhứt thừa, gọi là Đại thừa Tối thượng, chóng rõ các pháp xưa nay vắng lặng, chỉ là nhứt tâm, nên gọi là TÂM KINH.

A. Giải Thích Hiển Giáo

1. Phần tín:

Bồ Tát Quán Tự Tại

Giải thích: Phần Tín đầu tiên này chia ra làm ba: tin người, tin pháp và tin mình.

Tin người: Tin vị Bồ tát Pháp thân đại sĩ nầy địa vị đến bực Đẳng giác, sẽ là Nhứt sanh bổ xứ (một đời nữa sẽ được thành Phật).

Tin pháp: Tin pháp yếu nầy là pháp Bồ tát đã thực hành có kết quả.

Tin mình: Tin tánh linh giác của chính mình tức là Như Lai tạng tánh cùng với Phật không khác, cũng tức là ngài Quán Tự Tại cũng có đầy đủ nơi mình.

Bồ tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ đề tát đỏa, dịch là chúng sanh giác. Nghĩa là hết thảy phàm phu chúng sanh trái với tánh giác, hợp với trần lao, mê đắm chẳng giác ngộ. Ở đây, người tu hành tuy mang thân chúng sanh mà hay trái lại với trần lao, hợp cùng tánh giác, tên tuy chưa rời chúng sanh, nhưng có phần giác nên gọi là chúng sanh giác. Hay tu hành Phật đạo nên gọi là Bồ tát.

Diệu trạm viên minh quán lục trần,

Trần lai tự hiện tại đương căn.

Nhược ư căn tánh năng linh giác,

Thị giác chân Quán Tự Tại thân.

"Diệu trạm viên minh" quán sáu trần,

Trần qua tự hiện ở ngay căn.

Nếu nơi căn tánh hay linh giác,

Giác ấy là Quán Tự Tại thân.

Hành Thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa

Giải thích: Thực hành hạnh Đại thừa, chóng lên địa vị Phật, lý bao hàm sâu rộng nên gọi là HÀNH THÂM.

Nghĩ ly hư vọng nhập chơn phương,

Thúc nhĩ hồi đầu tức cố hương.

Bất tiễn thế tình du lý xứ,

Điều điều hướng thượng tịch quang trường.

Toan lìa hư vọng nhập vào chân,

Bỗng chợt quay đầu tức cố hương.

Chẳng dẫn thế tình theo dấu tục,

Tịch quang chốn ấy khắp mười phương.

Thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách.

(Khổ, cõi trời có năm tướng suy, nhân gian có tám khổ, ba đường ác khổ, nói chung là NHỨT THIẾT KHỔ, ÁCH, vô minh phiền não ngăn che Bồ đề, nên nói ÁCH).

Giải thích: Quán Tự Tại là bốn trí (thành sở tác trí, diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí) của người tu hành xưa nay đầy đủ.

HÀNH THÂM BÁT NHÃ là dùng trí sẵn có của mình quán sát trở lại tự tâm.

THỜI CHIẾU KIẾN, ánh sáng tự tâm của người tu hành phát sáng gọi là tuệ. Dùng tuệ nầy soi thấy năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) xưa nay vắng lặng, chẳng bị tất cả khổ ách làm não, nên nói: ĐỘ NHỨT THIẾT KHỔ ÁCH.

Hai chữ NHỨT THIẾT nói lên hai lợi tự tha đều hoàn toàn đầy đủ. Nhị thừa chỉ hay tự lợi, chẳng thể lợi tha, đã vượt qua phần đoạn sanh tử, chưa thoát khỏi biến dịch sanh tử. Trong Kinh nầy, Bồ tát tự lợi, lợi tha, đã đến địa vị Đẳng giác nên nói ĐỘ NHỨT THIẾT, đó là ta cùng chúng sanh đều lên ngôi chánh giác.

Trí cảnh hư dung pháp giới thông,

Sắc tâm ảnh tượng thiệp quang trung.

Liễu tri hữu tướng giai hư vọng,

Khoái đắc vô ưu ngộ uẩn không.

Gương trí sáng trùm pháp giới thông,

Sắc tâm đôi bóng hiện bên trong.

Rõ điều có tướng toàn hư vọng,

Mới được vô ưu, ngộ uẩn không.

2. PHẦN GIẢI

Xá Lợi Tử!

Giải thích: Một tiếng kêu đánh thức người trong mộng, lấy Ngài Xá Lợi Phật làm người đương cơ. Bởi Ngài Xá Lợi Phất và tất cả phàm phu chúng sanh từ vô thỉ đến nay trái giác hợp trần, mê đắm năm dục, trong chấp có thân tâm, ngoài chấp có thế giới; chẳng biết ba cõi đều như mộng, niệm niệm đuổi theo, tối tăm chẳng tỉnh giác; như người nằm mộng yêu thích cảnh vật trong mộng mà chẳng tự biết đó là mộng. Nhờ một tiếng kêu mới được tỉnh thức, biết đó là mộng.

Mộng thân mộng cảnh lưỡng tương duyên,

Mẫn bỉ tình hôn uổng túy miên.

Phủ bối hô danh linh tự giác,

Giác lai phương giác nhựt đương thiên.

Thân cảnh duyên nhau đều ảo mộng,

Xót người chưa tỉnh giấc say nồng.

Lay dậy kêu tên cho tỉnh giấc,

Thức rồi mới biết mặt trời trong.

Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc.

Giải thích: sắc không, nhân của chúng không khác, đều là vật trong diệu minh chân tâm. Kinh nói: Tất cả chỉ do tâm tạo (Nhứt thiết duy tâm tạo).

Ngưng tưởng thành hình giả hữu dung,

Do tâm cố hiện bản nguyên không.

Mê tiền vị sắc không vi nhị,

Thùy tín nguyên vô khởi dị đồng.

Ngưng tưởng thành hình, giả có dung,

Do tâm nên hiện, vốn là không.

Khi mê vẽ sắc, không hai thứ,

Lúc vững niềm tin, vượt dị đồng.

Sắc tức là không, không tức là sắc

Giải thích: chẳng phải sắc diệt mới bảo là không, chẳng phải không không mới chẳng phải sắc. Ngay nơi không sắc nhứt như mà quán.

Vật tương sắc diệt vị vi không,

Sắc tướng hư hoa ảnh cảnh trung.

Đương sắc tức không hưu diệt sắc,

Đương không tức sắc thể câu dung.

Chớ cho sắc diệt mới là không,

Sắc tướng hoa rỗng bóng gương đồng.

Chính sắc là không, đừng diệt sắc,

Ngay không tức sắc, thể gồm thông.

Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế.

Giải thích: Đoạn trước nói sắc không là sắc uẩn, tức là phàm phu chấp có thân mình, có thế giới. Đoạn nầy nói: thọ, tưởng, hành, thức, bốn uẩn nầy là tâm, tức là phàm phu chấp có tâm mình, có khổ vui. Tuy nói năm uẩn gồm chung về hai pháp sắc tâm. Sắc là bốn đại hư huyễn hoa đốm trong hư không. Tâm là bóng dáng sáu trần rốt ráo không tịch nên nói cũng lại như thế.

Huyễn sắc thành hình liễu thị vô,

Tham tiền tứ cú nghĩa tương phù.)

Tâm đầâu thọ tưởng tinh hành thức,

Ngũ uẩn giai không lý tịnh khu.

Sắc huyễn thành hình rõ vốn không,

Bốn câu với trước nghĩa tương thông.

Nơi tâm thọ tưởng và hành thức,

Rốt ráo lý mầu năm uẩn không.

Nầy Xá Lợi Tử! Tướng không của các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm.

Giải thích: ở đây gọi Ngài Xá Lợi Tử một lần nữa, nghĩa là đã quay đầu lại rồi, cần phải tự giác ngộ năm uẩn xưa nay không tịch. Nhưng chẳng phải lìa ngoài uẩn mà riêng có chân không bản lai thật tướng. Phải biết thân tâm năm uẩn như hoa đốm, sắc rỗng trong không, đương thể là không, là chân như, tướng thật xưa nay của ông. Thật tướng là tướng Không của các pháp, nên nói Bất v.v...

Đương cơ khai thị nhĩ văn minh,

Thị nhĩ thân tâm đản giả danh.

Ngôn giả tức không hà thị uẩn,

Ngộ tư lục bất hiển Tâm kinh.

Đương cơ khai thị hãy nghe rành,

Thân tâm ông đó chỉ giả danh.

Nói giả tức không gì là uẩn,

Sáu không ngộ được, rõ Tâm kinh.

Thế nên trong tướng không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới.

Giải thích: Thế nên là lời gạn lại, cũng là lời chuyển mạch từ đoạn trên xuống đoạn dưới. Nghĩa là trong thật tướng chân không không có pháp phàm phu thế gian. Từ đoạn nầy trở lên là lìa chấp ngã, chứng trí nhân không, là lời nói quét sạch dấu vết. Bởi có năm uẩn mới có căn trần thức, nay năm uẩn đã không thì căn trần thức cũng không có chỗ nương gá, nên không có pháp phàm phu thế gian.

Bản lai thật tướng bất vân vân,

Thị cố không trung pháp tánh thân.

Vô ấm nhập xứ thập bát giới,

Độc diệu linh quang trí tuệ nhân.

Tướng thật xưa nay chẳng vân vân,

Trong tánh chân không, pháp tánh gần.

Không ấm, nhập, xứ, mười tám giới,

Riêng sáng linh quang trí tuệ nhân.

Không vô minh cũng không hết vô minh, cho đến không già chết cũng không hết già chết.

Giải thích: Trong thật tướng chân không chẳng những không có pháp phàm phu thế gian, cũng không có pháp mười hai nhân duyên của bậc thánh Nhị thừa xuất thế gian. Bởi vì hàng Duyên Giác chán cái khổ ba đời luân hồi mà quán mười hai nhân duyên, lấy vô minh làm đầu đến lão tử làm cuối, ba đời tuần hoàn như bánh xe quay lên xuống chẳng dừng. Nếu Vô minh diệt thì Hành diệt, cho đến Lão tử cũng diệt, chẳng còn làm nhân duyên cho nhau nữa, nên hễ Vô minh hết thì Hành hết cho đến Lão tử cũng hết. Hết nghĩa là diệt. Hàng Nhị thừa, trước tiên phải dứt vô minh cầu lấy tịch định, chẳng còn chịu luân hồi. Nay soi thấy năm uẩn đều không vốn không vô minh, đâu có vô minh để hết, vốn không Lão tử, đâu có Lão tử để hết; vốn không sanh diệt, đâu có luân hồi để chán. Nói tóm lại trong chân không cũng không có pháp mười hai nhân duyên của hàng Nhị thừa tiểu thánh.

Nhứt luân sanh diệt trách vô minh,

Tam thế tuần hoàn dĩ phục sanh.

Nhược ngộ uẩn không tiêu ngã chấp,

Hà tồâng thập nhị nhân duyên danh.

Một vòng sanh diệt trách vô minh,

Ba thuở tuần hoàn tử lại sanh.

Nếu ngộ uẩn không tiểu ngã chấp,

Mười hai nhân tố chẳng còn danh.

Không khổ, tập, diệt, đạo.

Giải thích: Cũng không có pháp tứ Thánh đế của Tiểu thừa.

Yểm khổ tư cầu miễn khổ căn,

Tức tình đoạn tập kiến tư nhân.

Diệt trừ tham dục tâm không tịch,

Nhứt niệm vô sanh thoát khổ luân.

Chán khổ lo tìm dứt khổ căn,

Dứt tình đoạn tập kiến tư nhân.

Sạch rồi tham dục tâm không tịch,

Một niệm không sanh thoát khổ luân.

KHÔNG TRÍ CŨNG KHÔNG ĐẮC

Giải thích: Cũng không có pháp của Bồ tát tu chứng. Từ đây trở lên là lìa chấp pháp, chứng trí Pháp không.

Ái hải tham nguyên tấn dục lưu,

Tu bằng trí phiệt xuất ba đào.

Cẩu tri tam giới giai như mộng,

Yểm khổ hân an diệc mộng đầu.

Biển ái nguồn tham dòng nước dục,

Sóng mòi vượt khỏi, trí là phao.

Nếu hay ba cõi đều như mộng,

Chán khổ tìm yên cũng chiêm bao.

3. PHẦN HẠNH

Do không chỗ được nên Bồ tát nương theo Bát Nhã ba la mật đa nên tâm không ngăn ngại, vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng,

Giải thích: Vì không mong cầu nên tâm được tự tại, xa lìa hẳn phiền não, rốt ráo tịch diệt. Đến đây nhân pháp đều không, nhận rõ chỉ là một tâm, xưa nay vốn trong lặng, chứng trí không không.

Đây cũng là lời quét sạch dấu vết. Đoạn trước đã quét sạch chấp thô của chúng sanh, đoạn nầy quét sạch chấp vi tế của các bậc Thánh Tam thừa. Bởi vì các bậc Thánh trong Tam thừa quan niệm rằng có pháp để tu, có vô minh để dứt, có đạo quả để chứng, có chúng sanh để độ, có chư Phật để thành. Chấp các thứ ấy đều có, nên nói chung là Pháp chấp. Nay rõ biết năm uẩn không, tức là căn, trần, thức vốn không, ngã và chúng sanh vốn không. Đã là vốn không thì Mười hai nhân duyên như Vô minh v.v..., Tứ đế như Khổ v.v... đến như sáu độâ muôn hạnh cũng vốn không. Đó là nói rõ có bịnh mới cần thuốc không bệnh cần chi, nên nói Không trí cũng không đắc.

Đây là Bồ tát Đại thừa chỉ quán tự tâm xưa nay vắng lặng là thật trí trong lặng, lấy không tu làm chân tu, lấy không chứng làm thật chứng, lấy không chỗ được làm chân thực đắc, dưới không có chúng sanh để độ, trên không có chư Phật để cầu. Đây là vì không chỗ được nên tâm không ngăn ngại v.v...

Duy năng triệt ngộ uẩn nguyên không,

Yểm dữ hân hề niệm đốn vong.

Hữu niệm khả tu vô niệm dược,

Bản vô khổ ách đắc hà công.

Chỉ cần triệt ngộ uẩn vốn không,

Chán với ưa chữ niệm dứt xong.

Hữu niệm nên cần thuốc vô niệm,

Vốn không khổ ách được chi công

4. PHẦN CHỨNG

Cứu cánh Niết Bàn

Giải thích: Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền.

Cứu cực căn trần tất cánh không,

Hư minh pháp tánh bản phi vong.

Đà đà viên tịch ly sanh diệt,

Bình đẳng từ bi bất kế công.

Xét tột căn trần rốt ráo không,

Chẳng quên pháp tánh, sáng rỗng không.

Niết Bàn vắng lặng, lìa sanh diệt,

Bình đẳng từ bi chẳng kể công.

Ba đời chư Phật nương Bát Nhã ba la mật đa, nên được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải thích: Tâm là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của hết thảy chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu người muốn rõ biết tất cả Phật ba đời, phải quán tánh pháp giới tất cả do tâm tạo". Nên biết một môn quán tâm là mẹ của tất cả chư Phật.

Thập phương tam thế thiên nhân sư,

Diệc liễu duy tâm nhập nhứt như.

Vô thượng chánh chân viên giác hải,

Xuất sanh vô lượng chứng vô dư.

Mười phương ba đời, thiên nhân sư,

Cũng rõ duy tâm nhập nhứt như.

Biển giác chánh chân, là vô thượng,

Sanh ra vô lượng chúng vô dư.

B. GIẢI THÍCH MẬT GIÁO ĐẠI TỔNG TRÌ

Đây là trong hiển có mật, phần sau thì trong mật có đủ đức của hiển.

Nên biết Bát Nhã ba la mật đa, là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

Giải thích: Tâm nầy là môn đại tổng trì, nghĩa là bao gồm tất cả pháp, nắm giữ vô lượng nghĩa. Người tu hành chỉ cần y cứ tự tâm thì bốn đức thảy đều viên mãn.

Phá ngũ ấm ma chí Đại thần,

Liệt vô minh võng, Đại minh chân.

Đường đường thượng xuất quần sanh biểu,

Đẳng tác quần sanh chánh đẳng nhân.

Đại thần phá dẹp năm ma ấm,

Xé lưới vô minh, thật Đại minh.

Nghi biểu đường đường hơn vạn loại,

Làm nhân chánh đẳng của quần sinh.

Hay trừ được tất cả khổ chân thật chẳng dối, nên nói chú Bát Nhã ba la mật đa.

Giải thích: Chú là từ bi thệ nguyện, nguyện lợi mình, lợi người. Nương theo Bát Nhã nầy sở nguyện đầy đủ, thế nên Tâm Kinh nầy cũng gọi là Tâm Bát Nhã, cũng gọi là chú Bát Nhã. Người tu hành phải nên tin sâu, truyền bá rộng rãi, chướng hết nguyện mãn, mau thành chánh giác.

Chúng khổ nguyên tòng vọng niệm sinh,

Niệm không thường tịch tánh thường minh.

Minh viên giác mãn vô hư vọng,

Vọng cảnh nguyên vô cố bất kinh.

Các khổ vốn từ vọng niệm sinh,

Niệm không thường lặng tánh thường minh.

Sáng tròn, giác trọn, không hư dối,

Cảnh vọng nguyên không nên chẳng kinh.

Liền nói chú rằng:

Đây tức là trong mật có đủ đức của hiển.

Giải thích: Chú, là mật ngữ của chư Phật. Mật, khiến người tu hành mau được như sở nguyện, là lời thành thật của chư Phật, nên cũng gọi là chân ngôn. Lời Phật chẳng tin thì lời nào đáng tin? Lại cũng gọi là Thần chú, tha thiết tin tưởng chuyên trì thì sự thần nghiệm rất mau.

Tiếng Phạn Đà la ni, dịch là Đại tổng trì, nghĩa là tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Chỉ riêng nói trì ắt nêu cả hai. Chỉ cần tin tưởng thọ trì thì công đức bí mật viên mãn chẳng nhọc nghĩ bàn.

Chú xưng mật ngữ nẫm oai linh,

Hiển giáo hàm trung cụ túy tinh.

Đản giải tâm không thường khẩu tụng,

Tùy thời hiển mật cộng viên minh.

Chú là mật ngữ thật oai linh,

Hiển giáo gồm trong đủ túy tinh.

Chỉ hiểu tâm không, thường miệng tụng,

Tùy thời hiển mật thảy viên minh.

YẾT ĐẾ YẾT ĐẾ, BA LA YẾT ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾ, BỒ ĐỀ TÁT BÀ HA.

Khen rằng: Ba không nghĩa đủ, bốn đức công tròn, tin nhận vâng làm, bồ đề nguyện mãn.

Thanh thanh lưu xuất đại thần minh,

Bất thiệp tư lương loạn ý tinh.

Thiệt tướng quảng trường tâm diệu chsuyển,

Đương cơ mặc khế giá chân kinh.

Lời lời lưu xuất đại thần minh,

Loạn ý suy tư ắt chẳng tinh.

Tướng lưỡi rộng dài, tâm diệu chuyển,

Đương cơ thầm hợp với chân kinh.

Bát Nhã tâm kinh liễu nghĩa bạt hậu giải thích xong.

HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Bài minh rằng:

Siêu tình tuyệt lự,

Ngữ mặc song vong.

Bát Nhã hiện tiền,

Tứ nghi bất khuyết.

Tâm kinh tâm chú khế huyền tham,

Hiển mật song tu lý thậm thâm.

Động tịnh nhứt như vô ngại pháp,

Tiền tam tam dữ hậu tam tam.

Vượt tình dứt lự,

Nói nín đều quên.

Bát Nhã hiện tiền,

Bốn nghi chẳng thiếu.

Tâm chú, tâm kinh hợp đạo mầu,

Hiển mật gồm tu lý thật sâu,

Động tịnh nhứt như, pháp chẳng ngại,

Trước ba ba sau lại ba ba.

Một câu sau cùng, pháp thế gian và xuất thế gian phô diễn chẳng hết. Tóm lại, trước sau thuần nhứt.

Nguyện đem công đức nầy,

Chan rải khắp tất cả,

Chúng sanh cùng chúng con,

Đều trọn thành Phật đạo,

Qui kính Đại Bồ tát Quán Tự Tại.

Hoàng triều Thiệu Trị năm thứ ba

Năm Quý Mão (1943)

Tháng mạnh hạ, ngày An cư viết

IV. Giải Thích Kệ Bát Nhã

Cổ đức Cao tăng nói kệ Bát Nhã:

Trí tuệ vi thuyền tinh tấn cao,

Linh đồng dụng lực xuất ba đào.

Phiên thân trực đáo Bồ đề ngạn,

Tản thủ qui lai minh nguyệt cao.

Trí tuệ làm thuyền, tinh tấn sào,

Linh đồng dùng sức vượt ba đào.

Xoay mình thẳng đến bên bờ giác,

Buông thỏng tay về sáng trăng sao.

Hậu học Sa môn Thanh Đàm Tỳ kheo Minh Chánh thích nghĩa.

1. PHẦN GIẢI THÍCH

Trí tuệ vi thuyền tinh tấn cao

Trí tuệ làm thuyền tinh tấn sào.

Giải thích: Tiếng Phạn Bát nhã, dịch là Trí tuệ. Trí là tâm tánh có linh tri, biết thiện nên làm, biết ác nên dừng, gọi đó là trí. Tuệ là diệu tánh của sáu căn sáng suốt linh diệu, như mắt hay thấy gọi là kiến tuệ, tai hay nghe gọi là văn tuệ, cũng có nghĩa là tánh thấy, tánh nghe, cho đến ý hay suy tư, gọi là tư tuệ. Nhưng trí tuệ làm thể dụng lẫn nhau, nghĩa là tuệ tuy hay chiếu soi, nếu không trí thì không thể phân biệt được thiện ác. Như các loài súc sanh trâu ngựa tuy có đủ tánh chiếu soi của sáu căn mà chỉ biết đói ăn khát uống. Ngoài ra không biết gì khác. Đó là có tuệ tánh thấy nghe mà si ngoan không trí phải vậy. Còn như hết thảy các loài vô tình gỗ đá thì mờ rỗng hoàn toàn không có trí tuệ.

Lại như ngoại đạo tuy có sáu căn thông minh mà chẳng tin nhân quả thiện ác, không thể tự thấy bản tánh. Chỉ khoe sự thông minh cuồng tuệ của mình, vọng sanh sự hiểu biết sai lệch, cho rằng con người chết rồi mất hẳn, chỉ một nguồn chân khí trở về thái hư. Đây cũng là hạng si ngoan tà kiến, cho nên dù đắc phi phi

tưởng định sanh lên cõi trời phi phi tưởng, tuổi thọ lâu dài, báo hết trở lại đọa vào loài súc sanh. Còn hạng phàm phu chúng sanh thì đắm trước năm dục thế gian, chỉ biết có sự nghiệp trước mắt, nghĩa là người sống một đời đến sau khi chết chẳng biết có lý nhân quả thiện ác, luân hồi báo ứng. Vì chẳng biết có quả báo thiện ác của thân sau, nên gọi là chúng sanh phàm phu ngu si.

Nay nói trí tuệ là vì nó hay phá ngu si, tức là người tu hành hay tin biết nhân quả thiện ác mới siêng năng thực hành các điều thiện, xa lìa các điều ác. Đây lấy sự giải thoát sanh tử luân hồi, tự độ độ tha thẳng lên bậc Chánh giác, đấy gọi là trí tuệ. Nhưng trí tuệ tuy đồng mà cửa vào của người tu hành thì vô lượng. Bởi vì căn tánh chúng sanh vô lượng, có lanh lợi, trì độn bất đồng và nghiệp cấu, phước lành của chúng sanh cũng có sai biệt vô lượng, chỉ có Phật mới có thể biết hết vô lượng nghiệp tánh của chúng sanh, nên nói pháp cũng vô lượng để thích hợp với mọi căn cơ.

Trong vô lượng pháp môn lại có một pháp môn có thể thống nhiếp tất cả pháp môn và đó là chỉ cho pháp môn của trí tuệ Bát Nhã Tâm Kinh. Nếu người có lợi căn đại ngộ trí tuệ nầy thì chẳng cần phải nhiều phương tiện, liền vào được Như Lai bảo minh không hải. Thế nên biết, trí tuệ nầy giống như ghe thuyền, nương nơi đó để độ chúng sanh qua biển khổ sanh tử. Đây nói Trí tuệ làm thuyền là nghĩa nầy vậy.

Tinh tấn làm sào, trong sáu pháp ba la mật thì Tinh tấn ba la mật là thứ tư, Trí tuệ ba la mật là thứ sáu. Trí tuệ ví như ghe thuyền, tinh tấn ví như cây sào. Nếu có thuyền mà không có sào thì vĩnh viễn ở bờ sanh tử bên nầy, không thể đến bờ kia được. Cho nên cần phải có tinh tấn làm sào mới có thể vượt từ bờ sanh tử bên nầy sang bờ Niết Bàn bên kia, đó là nghĩa tinh tấn làm sào vậy.

Linh đồng dụng lực xuất ba đào

Linh đồng dùng sức vượt ba đào.

Giải thích: Linh là tự tâm của đương nhân, tự tánh hư linh chẳng mờ tối tức là diệu tánh trong sáu căn. Trong các kinh gọi nó là Như Lai tạng tánh, hoặc gọi các Tánh chẳng sanh diệt, Chân như, Chân không, Linh giác, Linh tri, Phật tánh, Viên giác, Diệu tâm, Diệu minh nguyên tinh, Chân thức Phật tri kiến, Niết Bàn diệu tâm, Thật tướng các pháp, Pháp thể, Pháp tánh, Thanh tịnh Pháp thân, các danh hiệu nầy không thể nói hết được. Bát Nhã tâm kinh nầy gọi là Bát Nhã tâm,

cũng gọi là Tướng không của các pháp, còn mật chỉ tức là ba chữ: Quán Tự Tại ở đầu kinh, hiển thị tức là ba chữ: Thời Chiếu Kiến, là Diệu tánh thấy nghe hay biết sáu căn của đương nhân. Đồng là tánh thanh tịnh không nhiễm vốn sẵn có, vốn thiện của lúc sơ sinh nghĩa là tự tánh vốn tự thanh tịnh, nhân vì chạm cảnh gặp duyên, vật dục xen vào che phủ, chợt sanh vọng tâm, chạy theo tham ái, nên bị sáu trần mê hoặc, vô minh phủ che, thành ra ô nhiễm. Sao gọi là ô nhiễm? Chính là tự tâm khởi tham sân si, gọi là ô nhiễm. Nếu như ngộ được tâm cảnh đều không, chẳng sanh tham ái, thì căn tánh bản nhiên thanh tịnh, đó là đồng chân. Ví như lúc còn thơ bé chưa biết danh lợi tham dục, nên gọi là Đồng tử. Căn tánh ví như trẻ thơ nên gọi là Đồng chân. Nay giữ tánh đồng chân, nên gọi là Linh đồng. Thế nên hai chữ Linh đồng tức là tự tâm chúng ta hiện tại thấy nghe lóng lặng tịch chiếu vậy. Kinh Lăng Già gọi đó là Đại viên cảnh trí, Kinh Lăng Nghiêm gọi đó là Căn viên thông, cũng tức là câu trước nói rằng: Trí tuệ.

Dùng sức tức là hết sức siêng năng. Bởi vì chướng vô minh nặng, gốc phiền não sâu, tâm chìm nặng tham ái như dòng nước sông to đang chảy xiết, nên gọi là sông ái. Nghiệp nhân khổ quả tích tụ như biển cả sâu rộng không bờ mé, nên nói là biển khổ. Nghiệp khổ vô minh phiền não tham ái là như thế đó. Lại từ nhiều kiếp đến nay, chẳng biết chẳng hay thì sông biển cũng không sánh được với sự sâu rộng của tham ái. Nếu người tu hành tự ỷ mình có trí tuệ mà chẳng siêng năng, dầu có siêng năng mà chẳng dùng hết sức mình cũng không thể ra khỏi sông ái biển khổ mênh mông. Cho nên xin nhắn gởi đến các người có trí tuệ phải cầm sào tinh tấn, hết sức cầu vượt đến bờ bên kia nên nói là dùng sức.

Vượt ba đào, nước nổi sóng cuồn cuộn gọi là ba đào. Sóng nhỏ ở sông gọi là ba, sóng to ở biển gọi là đào. Ba, sóng nhỏ, ví như các thứ khổ nhỏ sanh lão bịnh tử, năm tướng suy và tám thứ khổ của trời người. Đào, sóng to ví như các thứ khổ lớn của các loài ở Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Tại Trời Người mà chẳng siêng tu trí tuệ thì trước tiên chịu khổ nhỏ rồi sau đó sẽ bị khổ lớn, sáu nẻo luân hồi không có lúc ra khỏi. Thương thay! Thật đáng sợ! Nhưng ba đào của nước, nhân gió mà khởi thì ba đào là sự nhiễu động của nước. Ba đào của chúng sanh trong sáu đường do nghiệp, nghiệp ấy như gió, nên nói là gió nghiệp chiêu cảm. Quan sát kỹ chỗ khởi của gió nghiệp là vô minh vọng động, tham ái lăng xăng của tâm, nên biển tánh chẳng lóng lặng, thì nổi sóng khổ não chẳng dứt.

Nay người tu hành muốn dứt khổ ấy, trước tiên phải y nơi trí tuệ, dứt được nhân vô minh, diệt trừ tham ái thì thức tánh tròn sáng trong lặng, bao hàm cả hư không giới. Lúc ấy sông ái biển khổ còn không có tên huống là có dấu vết gì. Sông

biển đã không, gì là ba đào? Thế nên chỉ cần trừ tham ái thì các khổ tự dứt. Tham ái kết chặt vào nhân tình rất khó mà trừ khử, cần phải dùng hết sức mới có thể trừ được nó. Đó là nghĩa Linh đồng dùng sức vượt ba đào.

Phiên thân trực đáo Bồ đề ngạn

Xoay mình thẳng đến bên bờ giác.

Giải thích: Xoay là chuyển, nghĩa là chuyển tri kiến chúng sanh để mở tri kiến Phật, tức là chuyển ngu thành trí, chuyển Phàm thành Thánh, chính là nghĩa hồi quang phản chiếu, cũng là nghĩa bội trần hướng giác.

Thân mình là tự thể của Linh đồng, tức là tánh trạm nhiên trong căn. Căn tánh mê chạy theo tham ái tức là phàm phu. Nếu tự ngộ được căn tánh lìa bỏ tham ái, tức là trí tuệ, là Thánh. Thế nên biết, Trí cùng với Ngu, Phàm cùng với Thánh, chưa từng có ngăn cách, chỉ do mê ngộ mà chia đó thôi. Cổ đức nói: "Niệm trước mê tức chúng sanh, niệm sau ngộ tức Phật". Bỏ mê về ngộ tức là nghĩa xoay mình.

Thẳng đến bên bờ giác. Thẳng đến tức là quyết chí tiến lên, niệm niệm không lùi. Lại cũng chẳng rơi vào tà kiến, tà giải, cũng chẳng ở giữa đường thành cuồng, cũng chẳng còn ở trong sự dụ dự giải đãi mà sanh mõi mệt chán nãn. Chỉ tinh tấn tiến tới, gọi là thẳng đến. Thẳng đến bên bờ giác, nghĩa là người tu hành y nơi trí tuệ, phàm có tất cả thiện căn công đức chẳng nguyện hồi hướng về phước báo nhân thiên, chẳng cầu Niết Bàn của Tiểu thừa, Nhị thừa, chỉ nguyện hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cực quả cứu cánh Niết Bàn, gọi là cứu cánh thành Phật vậy.

Tản thủ qui lai minh nguyệt cao.

Buông thỏng tay về sáng trăng sao.

Giải thích: Tay là nghĩa chấp trước phan duyên tham ái một cách kiên cố. Nay nói buông tay là dùng trí tuệ soi thấy rõ biết năm ấm đều không, hẳn rằng thân tâm vô ngã, sáu trần ngoại cảnh là do mắt mỏi hiện ra, giống như hoa đốm giữa hư không, chẳng có thật thể, cho đến ba cõi sáu đường cũng như không hoa mộng huyễn. Vì biết không ngã, không nhân, không chúng sanh nên không còn chấp trước phan duyên, đó là hoàn toàn lìa tướng thọ giả, ắt biết một tâm chẳng sanh, là nghĩa buông tay.

Trở về nghĩa là vốn từ không mà đến, trở về cũng về nơi không. Nhưng ở đây nói không là chân không. Tánh không tròn sáng, nhưng chẳng phải là ngoan không của sự hỗn độn hư vô.

Trăng sáng tức là tánh không tròn sáng như mặt trăng rằm tròn sáng soi khắp mười phương, dụ như trăng sáng.

Cao là địa vị cao cả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ba thân hiển bày trọn vẹn, mười hiệu đủ đầy, muôn hạnh trang nghiêm, là bậc Lưỡng túc hùng tôn, là cao tột trong cái cao vậy. Nghĩa của câu: buông thỏng tay về sáng trăng sao là như thế.

2. Phần Giải Nghi:

Hỏi: Bồ tát tu lục độ vạn hạnh mới chứng bồ đề, nay sao chỉ nói trí tuệ và dùng tinh tấn trợ giúp mà đến được cảnh giới bờ bên kia?

Đáp: Người có trí tuệ, tự biết thân tâm là hư giả, bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải có, nên chỉ kiên cố trí tuệ mà chẳng yêu tiếc thân mạng, huống là tiền của, vật quí, siêng năng tu hành pháp Phật mà chẳng sanh nhàm mỏi, đó là chân thật bố thí.

Người có trí tuệ, biết thân là huyễn, không có ngã tưởng. Thân mình còn thế, thân người cũng vậy. Sáu trần ngoại cảnh đều là hoa đốm trong hư không. Đã biết là không hoa huyễn có thì chẳng còn phan duyên tham ái để khởi tâm thuận nghịch thương ghét sân si, ấy là chân thật trì giới.

Người có trí tuệ rõ biết thân tâm vô ngã, ngoại cảnh vô nhân, không mình không người tức là không có thị phi. Không mình không người thì ta đâu có nhục, huống chi ta cũng vô ngã thì ai mà chịu nhục, mà gọi là nhẫn nhục. Không mình không người nầy là chân thật nhẫn nhục.

Người có trí tuệ, chỉ dùng trí của mình tự chiếu soi, trong sốt mười hai thời ngày đêm chẳng quên tự chiếu soi. Thể chiếu soi hiện tiền tròn sáng độc lập, chẳng bị vọng trần làm mê hoặc, đó là chân thật tinh tấn.

Người có trí tuệ, chẳng bị trần làm mờ tối, chẳng bị vọng mê hoặc. Trí như trời cao vốn sáng, tuệ như biển cả nguyên lặng, tuy động tịnh qua lại mà thể tánh linh giác vẫn lặng lẽ chẳng động, đó là chân thật thiền định.

Người có trí tuệ sáng suốt riêng soi, rõ ràng thường biết, thanh tịnh tròn sáng cùng khắp pháp giới. Người ngộ được như thế gọi là chân thật trí tuệ.

Thế nên biết y nơi trí tuệ thì lục độ vạn hạnh cho đến hết thảy Phật pháp đều đầy đủ ở trong đó. Thành thật mà nói thì Bát Nhã là mẹ chư Như Lai, thật đáng tin thay!

Cổ Đức cao tăng nói bốn câu kệ Bát Nhã đã giải thích xong.

Kinh Lăng Già chú thuyết bốn trí quán duy tâm thức là pháp quán chuyển tám thức thành bốn trí của Bồ tát Mã Minh, nói về ba tánh như sau:

- Chân như là Viên thành thật.

- Nghiệp thức là Y tha khởi.

- Chuyển thức, hiện thức và phân biệt sự thức là Biến kế chấp.

a. Dứt diệt tướng vô minh

Ngũ nhãn thanh tịnh chẳng nhiễm tức là Tướng Tông chuyển năm thức trước làm Thành sở tác trí.

Thành sở tác trí tức là năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân tuy chiếu cảnh mà chẳng nhiễm, như gương soi vật, chẳng nhận cũng chẳng chống, rõ ràng tròn sáng, tùy ứng liền hiện là Thành sở tác trí.

b. Dứt dị tướng vô minh

Niệm không tướng khác, nên không có cái gì mà chẳng khắp biết, là chuyển thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí.

Diệu quan sát trí tức là ý thức không có niệm phân biệt, nên niệm không có tướng khác, tức là thức của năm căn trước cùng với ý thức thanh tịnh đồng sáng, tùy theo sáu trần đến liền hiện, biết khắp tất cả, ấy là Diệu quan sát trí.

c. Dứt Trụ tướng vô minh

Niệm không tướng trụ, tức là niệm không kẹt vào tư lương đối với tướng của sáu trần, cho đến chẳng trụ sanh tử, chẳng trụ Niết Bàn. Động loạn tức sanh

tử, tịch tịnh tức Niết Bàn. Nay đều lìa cả hai động và tịnh mà bình đẳng soi khắp thì tức chiếu mà tịch đó là chẳng trụ tướng động, tức tịch mà chiếu đó là lìa tướng tịnh. Tất cả các sự sanh diệt, có không, động tịnh, sáng tối, sắc không đều bình đẳng chiếu khắp, gọi là Bình đẳng tánh trí.

Bình đẳng tánh trí, tức là chuyển thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí. Do từ vô thủy đến nay thức thứ bảy bên trong chấp thức thứ tám làm ngã, ngoài chấp các pháp, ấm, nhập, xứ, giới v.v... năm ấm, bốn đại, sáu trần làm cảnh giới tự thọ dụng, gọi là pháp chấp. Nay quán các pháp chỉ do tâm hiện, nên biết trong ngoài chỉ do tâm, há lại đem tâm chấp lấy tâm! Nếu yêu trong ghét ngoài là tâm lại ghét tâm. Nhưng các pháp là do vọng tưởng huyễn hiện, trong ngoài vốn không, tuy có mà chẳng phải thật. Vì biết trong ngoài chỉ là tâm, nên không thương ghét, lìa cả hai chấp Ngã và Pháp ấy gọi là Bình đẳng tánh trí.

d. Dứt sanh tướng vô minh

Chuyển tạng thức thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí, tức là Như Lai tạng tâm là Tự giác thánh trí, là Niết Bàn diệu tâm. Thức nầy hiện ở nơi năm căn không lúc nào chẳng có, cũng gọi là chân như thức, ấy là Đại viên cảnh trí.

Đại viên cảnh trí, tâm tánh vốn thanh tịnh, nhân bị vô minh huân tập, niệm che lấp, nay chỉ dùng chân như bình đẳng quán thì chánh niệm của ly niệm đồng hư không giới. Nên biết hư không tức tâm, tâm tức hư không. Tâm hư không là gương sáng tròn lớn không chỗ nào chẳng soi, tất cả ba cõi, bốn loài sanh, sáu đường cho đến cõi Phật ở mười phương, chư Phật Bồ tát tất cả hiền thánh đều là huyễn ảnh hiện trong gương tâm. Hãy lặng lẽ tự quán, đây là đạo lý gì?

Tất cả các pháp chẳng ngoài tướng phần và kiến phần. Nhưng đều là do tự chứng phần của tạng thức chuyển biến, thật giống như hình ảnh hiện trong gương.

Hàn sơn tử nói:

Nam nhi đại trượng phu

Tác sự mạc mãng lỗ.

Kính đĩnh thiết thạch tâm,

Trực thú bồ đề lộ.

Tà đạo bất dụng hành,

Hành chi chuyển tân khổ.

Bất dụng cầu Phật quả,

Thức thủ tâm vương chủ.

Nam nhi đại trượng phu,

Làm việc chớ lỗ mãng.

Tâm sắt đá vững vàng,

Thẳng bằng trên giác ngạn.

Đường tà chớ nên đi,

Nếu đi càng cay đắng.

Chẳng cần cầu quả Phật,

Tự làm chủ tâm đăng.

Kệ chuyển tám thức thành bốn trí.

THÀNH SỞ TÁC TRÍ

Ngũ căn viên trạm tánh hư minh,

Trí cảnh thường quang độc diệu linh.

Vạn tượng ư trung trình hữu tướng,

Tịch nhiên giám chiếu oánh chân tinh.

Năm căn tròn lặng tánh hư minh,

Gương trí thường soi ánh sáng linh.

Muôn tượng ở trong bày tướng có,

Lặng yên soi chiếu rạng chân tinh.

DIỆU QUAN SÁT TRÍ

Ý thức duy minh niệm lự hưu,

Ngũ căn tùy tức các châu lưu.

Lục trần đối chí giai trung hiện,

Quảng đại hàm dung diệu trí châu.

Ý thức sáng ngời niệm lự tan,

Năm căn theo đó dụng vô vàn.

Sáu trần đối chiếu nguyên trong hiện,

Trí ngọc nhiệm mầu rộng thênh thang.

BÌNH ĐẲNG TÁNH TRÍ

Niệm vô trụ tướng tắc tâm không,

Bình đẳng viên minh tịch chiếu thông.

Sanh tử Niết Bàn câu bất trụ,

Đường đường độc lộ quách hư dung.

Niệm không trụ tướng ắt tâm không,

Bình đẳng sáng tròn tịch chiếu thông.

Sanh tử Niết Bàn đều chẳng trụ,

Sờ sờ bày hiện thái hư đồng.

ĐẠI VIÊN CẢNH TRÍ

Tạng thức như như hiện ngũ căn,

Tùy thời chiếu ứng nhứt nguyên chân.

Đản năng ly niệm hàm không giới,

Nhứt thiết giai vi huyễn ảnh trần.

Tạng thức như như hiện ngũ căn,

Tùy thời chiếu ứng nhứt nguyên chân.

Chỉ hay lìa niệm trùm không giới,

Tất cả đều như bóng huyễn trần.

V. Kệ Sáu Căn, Bảy Đại

Tổ Trúc Lâm Điều Ngự, tựa rằng:

Sáu căn hư vọng đồng là Bồ đề diệu tâm

Bảy đại cùng khắp thảy đều Như Lai tạng tánh

Thanh Đàm Đạo Tuân Minh Chánh thuật kệ rằng:

NHÃN KIẾN

Như bồ đào đóa hạ mi hoành,

Viên bích lưu ly lưỡng diệu tình.

Minh ám tương hình thành kiến thể,

Sắc không tề hiện diệu căn tinh.

Thanh hoàng xích bạch tùy cơ biện,

Trường đoản phương viên giá lý sinh.

Ký ngữ đương quan đồng tử giả,

Song linh thị hiện tức tâm minh.

MẮT THẤY

Tựa trái bồ đào dưới mày ngang,

Lưu ly hai khối ngọc sáng choang.

Sáng, tối nương nhau thành kiến thể,

Sắc, không đều hiện diệu căn quang.

Xanh, vàng, đỏ, trắng tùy cơ biện,

Dài, ngắn, vuông, tròn ấy vô vàn.

Nhắn người nên quán đôi tròng mắt,

Linh diệu phơi trần rõ tâm can.

NHĨ VĂN

Như tân quyển diệp Thủ Lăng đề,

Quan Thế Âm Quan Tự Tại cơ.

Động tịnh tương trình thành thính chất,

Nhĩ hà hưởng ứng hiển căn tri.

Thử phương giáo thể văn âm tịnh,

Diệu pháp liên hoa trí tuệ trì.

Lục nhập viên thông thường đệ nhất,

Thiền môn Thích tử cộng quy y.

TAI NGHE

Như cuống lá mới Thủ Lăng đề,

Quán Thế Âm, Quán tự tại cơ.

Động, tịnh cùng bày thành thính chất,

Xa, gần vang vọng hiển căn tri.

Giáo thể phương này: văn âm tịnh,

Diệu pháp liên hoa trí tuệ tri.

Sáu nhập viên thông thường bậc nhất,

Cửa thiền họ Thích thảy quy y.

TỸ KHỨU

Như song thùy trảo bình trung cư,

Khổng lý linh quang giác tự như.

Hô hấp nhiêu tha thông xuất nhập,

Tỹ hương nhậm bỉ phổ tri tư.

Chúng sanh tánh mạng huyền do tại,

Nguyên khí châu lưu lại hữu tư.

Hương tỹ bất lai hà sở thức,

A Di Đà Phật hiện chân cơ.

MŨI NGỬI

Song song nhưnhư dáng duỗi móng tay,

Trống rỗng linh quang giác tự khai.

Hơithở ra vào đều thông suốt,

Mũi ngữi hương trần khắp biết hay.

Tánh mệnh chúng sanh ngầm trong ấy,

Nguyên khí châu lưu bởi có đây.

Hương, tỹ chẳng đến, đâu chỗ biết,

A Di Đà Phật hiện chân bày.

THIỆT THƯỜNG

Như sơ yển nguyệt bán viên hoàn,

Điềm biến tương tham nhứt thể quan.

Hàm đạm thường minh danh thiệt tướng,

Ngữ ngôn liễu lý hiển căn nhan.

Thánh phàm lý thú do tư đạo,

Tông chỉ nhân duyên bản thị thuyên.

Ẩm thủy tự đương tri lãnh noãn,

Hà tu hướng ngoại mích tâm can.

LƯỠI NẾM

Như mảnh trăng non nửa vành cong,

Nếm, vị hợp nhau một thể đồng.

Mặn, nhạt rõ ràng là tướng lưỡi,

Ngữ ngôn suốt lý tỏ bày xong.

Lý thú thánh phàm đều diễn nói,

Nhân duyên tông chỉ vốn đây thông.

Uống nước tự mình hay nóng, lạnh.

Cần chi hướng ngoại kiếm tổ tông.

THÂN GIÁC

Như yêu cổ tảng hiện hình dung,

Căn thức y chi nhứt thể đồng.

Ly hiệp tương ma thành xúc giác,

Hàn ôn các dị biệt lai tông.

Pháp Hoa Trì Địa xưng tiên chứng,

Thuần giác di thân đốn ngộ không.

Thường niệm tha vi chư khổ bản,

Tánh không chân sắc thật vô cùng.

THÂN XÚC GIÁC

Hình dáng in như cái trống cơm,

Căn thức cùng nương một thể đồng

Ly, hợp chạm nhau thành xúc giác,

Hàn, ôn mỗi mỗi chính nguyên tông.

Pháp Hoa Trì Địa đầu tiên chứng,

Thuần giác, quên thân đốn ngộ không.

Luôn nhớ xúc kia là gốc khổ,

Tánh không chơn sắc thật dung thông.

Ý TƯ

Như u thất kiến tự tư lương,

Thống lãnh quần cơ tác chủ trương.

Sanh diệt lưỡng đoan tương tục niệm,

Hữu vô chư pháp giác tri tường.

Sát na vạn lý đô phân biệt,

Thuấn tức thời lai nhậm đoản trường.

Thiện ác thành phàm bao quát tận,

Đường đường tự tại pháp trung vương.

Ý NGHĨ

Trong ngôi nhà tối, thấy suy lường,

Thống lãnh quần cơ nắm chủ trương.

Sanh diệt hai đầu tương tục niệm,

Có không các pháp giác tri tường.

Sát na muôn dặm đều phân biệt,

Chớp mắt ngay đây mặc đoản trường.

Thiện ác thánh phàm bao quát cả,

Đường đường tự tại pháp trung vương.

ĐỊA ĐẠI

Thô vi đại địa, tế vi trần,

Tánh sắc chân không bản chánh nhân.

Thượng dục quần sanh tự tạo hóa,

Hạ ngưng thành chất tải thiên nhân.

Căn cai nha giáp mông thâm hậu,

Động thực phi tiềm cảm đại ân.

Hà phụ chúng sanh chân địa tạng,

Đại tai! Vô lượng địa dư luân.

ĐỊA ĐẠI

Thô là đại địa, tế vi trần,

Tánh sắc chân không vốn chánh nhân.

Trên dưỡng quần sanh làm tạo hóa,

Dưới ngưng thành chất chở thiên nhân.

Mộng mầm gốc rễ luôn nhờ đó,

Người vật muôn loài cảm đại ân.

Gánh vác chúng sanh là địa đại,

Lớn thay! Vô lượng địa dư luân.

THỦY ĐẠI

Tánh thủy chân không bản tự thanh,

Châu lưu giác hải nhuận quần manh.

Trừng trừng nguyệt hiện viên minh tướng,

Trạm trạm quang hàm bích lục hình.

Âm thấp bản vô, hàn bất hữu,

Oánh trừng nguyên tịnh, trọc hà sanh.

Không minh hà xứ thành ba lãng,

Phi đạm phi hàm triệt thái thanh.

THỦY ĐẠI

Tánh thủy chân không vốn tụ thanh,

Mênh mông bể giác gội quần manh.

Long lanh ánh ngọc tuôn làn biếc,

Vằng vặc trăng soi nét tròn vành.

Ẩm ướt vốn không, hàn chẳng có,

Lắng trong nguyên tịnh, trược nào sanh?

Rỗng sáng nơi nao thành sóng cả,

Chẳng nồng, chẳng nhạt ngất trời xanh.

HỎA ĐẠI

Chân không tánh hỏa bản nhiên minh,

Biến chiếu hôn cù lợi chúng sanh.

Tuệ diễm đà đà thông pháp giới,

Thần quang thước thước đổng u minh.

Gia gia hàm lại sanh tri kiến,

Xứ xứ quân mông lãng thức tinh.

Bất cộng thế tình duy nhứt tánh,

Phi phiền phi nhiệt thả oai linh.

HỎA ĐẠI

Tánh hỏa chân không bản nhiên minh,

Chiếu soi tăm tối lợi quần sanh.

Tuệ diễm sáng bừng thông pháp giới,

Thần quang chói rực suốt u minh.

Người người nhờ đó sinh tri kiến,

Chốn chốn thảy đều sáng thức tinh.

Tình thế chẳng cùng, duy nhứt tánh,

Chẳng phiền, chẳng nhiệt, thực oai linh.

PHONG ĐẠI

Tánh phong thanh tịnh biến hư không,

Động tịnh đoan tùng nhứt niệm trung.

Hữu tắc thanh đằng thành hữu tướng,

Vô thời tịch mặc khởi vô phong.

Thập phương bất ngại du hành tích,

Tam giới du phòng xuất nhập tông.

Phong tánh Đặc Ca quán tỹ tức,

Phi sanh phi diệt chứng viên thông.

PHONG ĐẠI

Gió khắp hư không tánh sạch trong,

Từ trong một niệm động tịnh sanh,

Có ắt tiếng vang thành có tiếng,

Không thì vắng lặng gió chẳng không.

Mười phương dấu vết đâu là ngại,

Ba cõi ra vào há chẳng thông.

Phong tánh Đặc Ca hơi thở quán,

Chẳng sanh chẳng diệt chứng viên thông.

KHÔNG ĐẠI

Vô biên vô tế đại vô cùng,

Cắn cổ nhi kim bất cải dung.

Quách nhỉ châu viên hà tướng trạng,

Hồn nhiên khoát đạt khởi thù đồng.

Thập phương chư Phật du kỳ nội,

Lục đạo quần sanh diệc thị trung.

Tuy bỉ ngoan hư tòng vọng hiện,

Tánh không chân giác thật viên thông.

KHÔNG ĐẠI

Không ngằn không mé lớn vô cùng,

Suốt cả xưa nay chẳng đổi dung.

Cùng khắp tròn đầy đâu tướng trạng,

Hồn nhiên rộng rãi há sai đồng.

Mười phương chư Phật đi trong ấy,

Sáu nẻo quần sanh cũng ở trong.

Dù cái ngoan hư từ vọng hiện,

Tánh không chân giác thật viên thông.

KIẾN ĐẠI

Lục nhập tuy thù nhứt kiến thành,

Hư linh bất muội oánh chân tinh.

Sắc thanh hương vị tề chiêu trước,

Kiến giác văn tri cộng hiện hình.

Minh ám khứ lai quán tự tại,

Hữu vô viễn cận chiếu phân minh.

Tuy nhiên kiến diệu du hư ế,

Chân kiến linh tri bản tự thanh.

KIẾN ĐẠI

Sáu nhập khác nhau một kiến thành,

Rỗng linh chẳng tối, sáng chân tinh.

Sắc thanh hương vị đều soi tỏ,

Hay biết thấy nghe thảy hiện hình.

Sáng, tối, lại, qua quán tự tại,

Xa, gần, không, có chiếu phân minh.

Tuy nhiên kiến diệu còn lòa quáng,

Chân kiến linh tri vốn tự thanh.

THỨC ĐẠI

Trí cảnh quang hàm ảnh vạn ban,

Lục tinh thần dụng chiếu trần gian.

Sắc không động tịnh đô minh biện,

Đồng dị phương viên đẳng giác quan.

Đại sĩ hồi tư thành Phật tuệ,

Tăng nhân định thị tức tâm an.

Long Hoa tam hội thời tương thức,

Thỉ giác ngô tâm diệc cổ nhân.

THỨC ĐẠI

Gương trí sáng ngời bóng vạn ban,

Sáu tinh thần dụng chiếu trần gian.

Sắc không độn tịnh đều rạng rỡ,

Đồng dị tròn vuông thảy rõ ràng.

Đại sĩ về đây thành Phật duệ,

Tăng nhân ở đó tức tâm an.

Long Hoa ba hội khi tỉnh thức,

Mới biết tâm ta giống cổ nhân.

LỤC CĂN, THẤT ĐẠI DUY THỨC TỔNG QUI NGUYÊN KỆ

Lục căn thất đại bản đồng nhiên,

Thiết vật tương vi biệt dị quan.

Kiến hỏa sắc trần thành địa tướng,

Văn ba thanh thủy hiện cung luân.

Niệm động phong diêu tứ đại chủng,

Ngoan si ám độn nhứt không hoàn.

Cá trung duy thức sanh chư hữu,

Thức tánh vô sanh giác bản viên.

KỆ SÁU CĂN, BẢY ĐẠI DUY THỨC ĐỀU QUI VỀ MỘT GỐC

Sáu căn bảy đại đồng bản nhiên,

Bày vật tương vi phân biệt riêng.

Thấy lửa sắc trần thành tướng đất,

Nghe sóng nước trong hiện bóng thiên.

Niệm động gió lay tứ đại chủng,

Mờ mịt ngoan không trải vô biên.

Thức ấy sinh ra thành các cõi,

Tánh thức không sanh giác bản viên.

Hoàng triều Thiệu Trị năm thứ ba,

nhằm năm Quí Mão (1843),

tháng hạ, ngày lành soạn thuật

PHẦN THỨ BA: PHỤ LỤC

Lạc đạo ca

lục tổ huệ năng

Lạc đạo ca! Lạc đạo ca!

Xướng ngã bình sanh tự trác ma

Ngũ hồ tứ hải phi vi quảng,

Tam thập tam thiên vị vi cao.

Nhứt phiến địa, ngũ mẫu điền,

Niên niên canh chủng tính thiên nhiên,

Thế gian vấn ngã tại hà xứ?

Nam bắc đông tây tổng thị thiên.

Nhứt thảo am, thắng già lam,

Bát vạn thiền đồ nhựt dạ tham,

Pháp cổ tài minh san nhứt đốn,

Cá trung nhân ngã bất đam.

Thổ giác trượng, qui mao phất,

Nhược dục mích thời hựu vô vật,

Bát phất thế gian địa trần ai,

Tận phất bản lai thiên chân Phật.

Nhứt tịnh bình, nhứt phó bát,

Càn khôn cấn tổn vị vi khoát,

Nhựt nguyệt tinh đẩu lý trung huy,

Nhứt thiết nhân gian vi sinh hoạt.

Địa vi tòa, thiên vi cái,

Xuất nhập ưu du vô quái ngại,

Nhậm tha thương hải biến thành điền,

Thế giới hoại thời cừ bất hoại.

Triêu triêu xướng, dạ dạ ca,

Bất luận nhân gian phú dữ hào,

Thanh bần lạc đạo chân khoái lạc,

Bạch nhựt vô sự tọa bàn đà.

Thiết ngưu canh, thạch nữ tiếu,

Kỷ nhân thức đắc huyền trung diệu,

Thử huyền huyền trung cánh vô huyền,

Thử diệu diệu trung cánh vô diệu.

Dã vô diệu, dã vô huyền,

Cơ lai khiết phạn khốn lai miên.

Nhược nhân hội đắc giá ban ý,

Xúc xứ tiện thị thiên trung thiên.

Nê ngưu hống, mộc mã tê,

Khiêu xuất thiên nhai đạp vân thê,

Thế gian vấn ngã hà xứ,

Nhựt luân đông bạn nguyệt luân tê.

Bất trích diệp, bất tầm chi,

Đa thiểu diệu dụng thức giả hy,

Mạc tương thế sự vi đoan đích,

Bất tri bất ngộ hựu huyền vi.

Học nhân hội đắc vô vi sự,

Hiện đổ thiều thiều thanh thiên lộâ.

Chỉ khủng tâm tâm bất liễu,

Hựu phạ nhân nhân bất ngộ,

Ngã đẳng đương sơ đắc pháp thời,

Văn tự hà tằng thức nhứt cú.

Bất khán kinh, bất thức tự,

Đản bả phiến tâm đạc hàn thử,

Nhậm độc thiên chương dữ vạn chương,

Bất hiểu chỉ thị nhà ngôn ngữ.

Chư môn đồ, cùng Thích tử,

Bất hội Như Lai chân tông thú,

Tận tâm hướng thượng đạt huyền tông,

Bất luận hiền ngu đô khuyến luận.

Đạo ngô ác, ngô dã ác,

Đạo ngô hảo, ngô dã hảo,

Vô tư, vô lự, vô phiền não,

Bất sân, bất hỷ, bất động tác.

Tự gia tâm địa tự gia tu,

Thiên đường địa ngục tự gia trác,

Lai dã không, khứ dã không,

Sanh tử huyễn như nhứt mộng trung,

Bất tín đản khan đào lý thọ,

Hoa khai năng hữu kỷ thời hồng.

Sanh hữu nhứt, tử hữu nhị,

Đô lai thế thượng tranh danh lợi,

Nhậm quân mãi đắc vạn khoảnh điền,

Tử hậu chỉ đắc tam bộ địa.

Hoành lục xích, trường trượng nhị,

Tử tế khán lai chân cá thị,

Nhược nhân đới đắc tại điền khư,

Ngô cảm vị quân lập bi ký.

Khúc ca vui đạo

Lục tổ huệ năng

Lạc đạo ca! Lạc đạo ca!

Hát rằng: Ta tự giữa mài ta,

Năm hồ bốn biển chưa là rộng,

Tam thập tam thiên chẳng phải cao.

Một miếng đất, năm mẫu điền,

Mỗi năm cày cấy tín thiên nhiên,

Nhân thế hỏi ta đâu chỗ ở,

Bốn phương chẳng tự có trời riêng.

Một am tranh, hơn già lam,

Mỗi ngày tám vạn thiền đồ tham,

Trống pháp vừa vang, ăn một bữa,

Ngã nhân trong đó chẳng còn đam.

Gậy sừng thỏ, chổi lông rùa,

Bằng lúc muốn tìm không một vật,

Chẳng phủi thế gian cát bụi mù,

Phủi sạch bản lai thiên chân Phật.

Một tịnh bình, một chiếc bát,

Cấn tốn càn khôn chưa bát ngát,

Nhựt nguyệt tinh tú trong đó soi,

Tất cả nhân gian cùng sinh hoạt.

Đất làm tòa, trời che mái,

Thong thả ra vào không chướng ngại,

Mặc cho biển cả hóa nương dâu,

Thế giới hoại mà nó chẳng hoại.

Sáng sáng hát, tối tối ca,

Mặc kẻ sang giàu chẳng luận qua,

Vui đạo quên nghèo sung sướng thật,

Ngày ngày vô sự tọa bàn đà.

Trâu sắt cày, gái đá cười,

Mấy ai biết được diệu trong huyền,

Huyền nầy trong huyền lại không huyền,

Diệu nầy trong diệu lại không diệu,

Cũng không diệu, cũng không huyền,

Đói lại ăn cơm, mệt ngủ liền,

Nếu người hiểu được ý như thế,

Đối cảnh ngay đây Phật hiện tiền

Trâu đất rống, ngựa gỗ hí,

Nhảy đến ven trời đạp thang mây,

Nhân thế hỏi ta đâu chỗ ở,

Vầng đông vừa rạng, nguyệt về tây.

Không vạch lá, chẳng tìm cành,

Diệu dụng thế nào, ít kẻ rành,

Chớ đem việc ấy làm manh mối,

Chẳng ngộ chẳng tri lý diệu huyền;

Học nhân hội việc vô vi nầy,

Đường trời thăm thẳm lấp ngăn ngay,

Chỉ sợ tâm tâm không liễu đạt,

Người người chẳng ngộ đáng thương thay!

Ta vừa đắc pháp lúc ban đầu,

Văn tự chưa từng biết một câu.

Chẳng xem kinh, chẳng biết chữ,

Ấm lạnh chỉ dùng tâm đo thử,

Dẫu cho có đọc ngàn muôn chương,

Không hiểu chỉ là ngôn ngữ suông.

Các môn đồ, cùng Thích tử,

Chẳng hội Như Lai chân tông thú,

Hết lòng hướng thượng đạt huyền tông,

Chẳng luận hiền ngu khuyên tiến thủ.

Nói ta ác, ta cũng ác,

Nói ta hảo, ta cũng hảo,

Không nghĩ, không lo, không phiền não,

Không giận, không vui, không động tác,

Tự ta tâm địa, tự ta tu,

Thiên đường địa ngục, tự ta chuốc.

Đến cũng không, đi cũng không,

Sanh tử huyễn như giấc mộng cuồng,

Không tin, thử ngắm cây đào lý,

Hoa nở, bao lâu nhạt sắc hồng.

Một là sanh, hai là chết,

Danh lợi thế gian tranh được mất,

Dẫu ông mua được vạn khoảnh điền,

Chết rồi cũng chỉ ba thước đất.

Ngang sáu thước, dài trượng hai,

Xét suy kỹ lưỡng thật thế nầy,

Ruộng đất nếu ông mang theo được,

Ta dựng bia ghi việc ấy ngay.

ĐÀN KINH: Sư dạy đại chúng:

Tự sắc thân của người đời là thành; mắt, tai, mũi, lưỡi là cửa; ngoài có năm cửa, trong có một cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua; vua ở trên đất tâm. Tánh ở thì vua còn, tánh đi thì vua mất. Tánh ở thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật nên nhắm vào trong tánh mà tìm, chớ hướng ra ngoài thân mà cầu. Tự tánh mê tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật. Từ bi tức là Quan Âm; hỷ xả gọi là Thế Chí; năng tịnh tức là Thích Ca; bình trực tức là Di Đà. Nhân ngã là núi Tu Di, tâm tà là biển nước, phiền não là sóng mòi, độc hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là loài cá trạnh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh.

Nầy thiện tri thức! Thường thực hành mười điều lành thì thiên đường tự đến, trừ nhân ngã thì núi Tu Di sụp đổ, khử bỏ tâm tà thì biển nước cạn khô, phiền não không thì sóng mòi dứt, độc hại hết thì loài cá trạnh bặt. Trên đất tâm của mình tánh giác Như Lai phóng ánh sáng lớn soi ra ngoài sáu cửa thanh tịnh hay phá được sáu cõi dục của chư Thiên. Tự tánh chiếu soi vào trong ba độc liền trừ, các tội địa ngục v.v... đồng thời tiêu diệt, trong ngoài sáng suốt chẳng khác Tây phương. Chẳng tu như thế thì làm sao đến nơi kia được.

Đại chúng nghe Sư dạy xong đều rõ ràng thấy tánh.

Hoàng triều Thành Thái năm thứ 15,

Nhằm năm Quý Mão (1903), tháng Trọng Thu, ngày rằm

Đệ tử chùa Bích Động,

Tỳ kheo Thanh Thành sao lại,

Tỳ kheo Thanh Đức phụng chép.